

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ PHƯƠNG

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CỦA PH. ĂNGGHEN
VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VỚI
TỰ NHIÊN TRONG TÁC PHẨM “BIỆN CHỨNG
CỦA TỰ NHIÊN” VÀO VIỆC PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐẮK LẮK**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60 22 80

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**2013 | PDF | 90 Pages
buihuuhanh@gmail.com**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN TẤN HÙNG

Đà Nẵng - Năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Học viên

Trần Thị Phượng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Kết cấu của luận văn	3
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	3
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG TÁC PHẨM “BIỆN CHỨNG CỦA TỰ NHIÊN”	7
1.1. KHÁI LƯỢC VỀ TÁC PHẨM “BIỆN CHỨNG CỦA TỰ NHIÊN”	7
1.2. QUAN ĐIỂM CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG TÁC PHẨM	10
1.2.1. Quan điểm về con người	10
1.2.2. Quan điểm về tự nhiên	17
1.3. SỰ PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG TÁC PHẨM	19
1.3.1. Sự tồn tại gắn bó giữa xã hội với tự nhiên, vai trò của tự nhiên đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội con người	20
1.3.2. Sự tác động của con người đến môi trường tự nhiên và hậu quả của nó	25
1.4. Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG PH. ĂNGGHEN ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HIỆN NAY	33
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	38
CHƯƠNG 2. MỐI QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐẮK LẮK	39

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK	39
2.2. THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐẮK LẮK.....	41
2.2.1. Những thành tựu đã đạt được	41
2.2.2. Một số thiếu sót, bất cập	47
2.3. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN THỰC TRẠNG TRÊN.....	57
2.3.1. Nguyên nhân khách quan.....	57
2.3.2. Nguyên nhân chủ quan	57
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	64
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHÂM ĐẢM BẢO MỐI QUAN HỆ HÀI HÒA GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐẮK LẮK	65
3.1. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG.....	65
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỤ THỂ.....	72
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	78
KẾT LUẬN	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO	81
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (bản sao).	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thế giới vật chất rất đa dạng và phong phú nhưng chúng không tồn tại độc lập, hỗn độn hay tách rời nhau, không phải là những bản chất hoàn toàn đối lập nhau, chúng chỉ là những biểu hiện khác nhau của vật chất đang vận động. Sự đa dạng và phong phú đó chịu sự chi phối bởi các quy luật khách quan của thế giới vật chất, đó là tính thống nhất vật chất của thế giới. Theo Ph. Ăngghen: “Tính thống nhất thực sự của thế giới là ở tính vật chất của nó, và tính vật chất này được chứng minh không phải bằng vài ba lời lẽ khéo léo của kẻ làm trò ảo thuật mà bằng một sự phát triển lâu dài và khó khăn của triết học và khoa học tự nhiên” [20, tr. 67]. Theo quan điểm duy vật biện chứng, tinh thần và vật chất, con người và tự nhiên tuy đối lập nhau nhưng lại nằm trong một thể thống nhất không tách rời nhau. Như vậy, nguyên lý tính thống nhất vật chất của thế giới là nền tảng trong việc xem xét mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

Ngày nay, sự phát triển của xã hội hiện đại với những thành tựu to lớn về phương diện văn minh vật chất từ nửa sau thế kỷ XX đã gây nên áp lực nặng nề của con người đối với môi trường tự nhiên làm cho bản thân giới tự nhiên dần mất đi khả năng tự hồi phục. Sự suy thoái môi trường đang tiềm tàng khả năng dẫn tới khủng hoảng sinh thái trên phạm vi toàn cầu.

Trong những năm gần đây, tỉnh Đắk Lắk đã đạt được những thành tựu khá quan trọng, kinh tế phát triển tương đối nhanh và ổn định. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát huy lợi thế từng ngành, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Chính vì thế, để đảm bảo sự phát triển bền vững, tỉnh Đắk Lắk cần

phải có những hoạch định chiến lược về bảo vệ môi trường (BVMT). Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, Đắk Lắk đang trong quá trình xây dựng kế hoạch quy hoạch bảo vệ môi trường, giai đoạn này là rất cần thiết nhằm đánh giá hiện trạng, dự báo xu thế biến đổi và đề xuất các phương án BVMT cũng như khai thác hợp lý tài nguyên, góp phần điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội hợp lý hơn, phù hợp hơn, thúc đẩy phát triển kinh tế một cách bền vững.

Nhằm góp phần nhận thức một cách đúng đắn về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, về thái độ của con người đối với tự nhiên và vận dụng mối quan hệ này trong tình hình thực tế, tôi chọn vấn đề: *“Vận dụng tư tưởng của Ph. Ăngghen về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” vào việc phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đắk Lắk”* làm đề tài luận văn của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu quan điểm của Ph. Ăngghen về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” và thực trạng của vấn đề này ở tỉnh Đắk Lắk, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện tốt mối quan hệ này trên địa bàn của tỉnh hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích quan điểm của Ph. Ăngghen về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên”.

- Phân tích thực trạng mối quan hệ này trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk.

- Đề xuất một số phương hướng và giải pháp để hoàn thiện mối quan hệ này nhằm thúc đẩy hơn nữa sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu quan điểm của Ph. Ăngghen về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong tác phẩm *Biện chứng tự nhiên*; thực trạng mối quan hệ này trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đắk Lắk.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử và dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp phân tích - tổng hợp, đối chiếu, so sánh, thống kê trong quá trình nghiên cứu.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, Luận văn có nội dung gồm 3 chương (9 tiết).

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong những năm gần đây có rất nhiều đề tài khoa học, công trình nghiên cứu và bài viết khác nhau liên quan đến vấn đề mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*. Trong đó có những đề tài như:

GS. TS. Nguyễn Trọng Chuẩn (2002), Tác phẩm “*Biện chứng của tự nhiên*” và ý nghĩa hiện thời của nó”. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Tác phẩm đã trình bày và phân tích cặn kẽ những vấn đề cốt lõi trong tác phẩm “*Biện chứng của tự nhiên*”. Công trình này là tài liệu hữu ích dành cho học viên cao học và sinh viên.

PgS. TS. Nguyễn Bằng Tường với công trình “*Giới thiệu tác phẩm Biện chứng của tự nhiên của Ph. Ăngghen*” năm 2010 đã nêu rõ về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, cũng như trình bày một cách chi tiết những vấn đề được Ph. Ăngghen phân tích trong tác phẩm.

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa xã hội và tự nhiên và vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên trong phát triển kinh tế xã hội là vấn đề thu hút sự quan tâm của các sách xuất bản và đề tài nghiên cứu khoa học:

Phạm Văn Boong với công trình “*Ý thức sinh thái và vấn đề phát triển lâu bền*” năm 2002, đã đề xuất giải pháp quan trọng để giải quyết vấn đề môi trường sinh thái hiện nay: theo đó, một trong những bước đi đầu tiên có tính chất quyết định trong việc giải quyết các vấn đề môi trường sống hiện nay là trước hết phải thay đổi nhận thức và quan niệm của con người về tự nhiên, về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, về vị trí của con người hoạt động trong giới tự nhiên.

GS.TSKh. Lê Huy Bá, “*Môi trường*” (2004), “*Sinh thái môi trường đất*” (2007). Tác giả nghiên cứu về môi trường và môi trường đất rất sâu sắc và đã khẳng định được vai trò của môi trường đối với sự sống, đã đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm giải quyết vấn đề môi trường trong tình hình hiện nay ở nước ta.

TS Nguyễn Văn Ngừng với công trình “*Một số vấn đề về bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*”, năm 2004, đã nêu lên được thực trạng môi trường nước ta qua các giai đoạn lịch sử đồng thời đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường nước ta trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay.

Lê Văn Khoa, Nguyễn Ngọc Sinh, Nguyễn Tiến Dũng (2006), “*Chiến lược và chính sách môi trường*”, công trình đã đưa ra chiến lược và chính sách lâu dài dành cho môi trường nhằm ngăn chặn sự ô nhiễm môi trường, tình trạng suy thoái, đảm bảo cân bằng sinh thái.

Tác giả Bùi Văn Dũng với bài viết “*Cơ sở triết học nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường*” trên tạp chí Triết học số 4 (167), tháng 4 – 2005, trong đó, tác giả đã đưa ra các cơ sở lý luận và thực

tiền đề luận giải cho mối quan hệ thống nhất biện chứng của các yếu tố con người – xã hội – tự nhiên. Khẳng định các yếu tố trong quan hệ này biểu hiện thành các mâu thuẫn giữa một bên là yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội với một bên là yêu cầu bảo vệ môi trường. Giải quyết tốt mối quan hệ này sẽ thúc đẩy sự phát triển đi lên của xã hội đồng thời làm cho môi trường được duy trì, bảo vệ.

Phan Văn Thạnh (2011), “*Mối quan hệ giữa xã hội và môi trường trong sự phát triển bền vững ở nước ta nhìn từ góc độ xã hội học*”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Tác giả cũng đưa ra nhận xét về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên là biện chứng và đưa ra một số đề xuất giải pháp trên khía cạnh xã hội học.

Về mặt nhà nước đã có những chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước được ban hành về bảo vệ môi trường thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa: *Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VII)*, *Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX)*, *Luật Bảo vệ môi trường* được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 27/12/1993 và sửa đổi, bổ sung năm 2005 là bộ luật khung của Nhà nước Việt Nam về các vấn đề môi trường.

Ngoài ra, còn có nhiều tài liệu và bài viết công bố trên các trang web, như:

- *Luật và chính sách môi trường*, <http://tailieu.vn/xem-tai-lieu/luat-va-chinh-sach-moi-truong.184574.html>

- Tổng quan khái niệm về tự nhiên, xã hội, mối quan hệ giữa chúng và vai trò của con người, <http://doc.edu.vn/tai-lieu/de-tai-tong-quan-khai-niem-ve-tu-nhien-xa-hoi-moi-quan-he-giua-chung-va-vai-tro-cua-con-nguoi-11122/>

Cho dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề mối quan hệ giữa con người và tự nhiên với những giá trị lý luận và giá trị thực tiễn nhất định.

Song chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ vai trò, vị trí của mối quan hệ này ở tỉnh Đắk Lắk nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh. Vì vậy, tác giả mạnh dạn nghiên cứu vấn đề này với lòng mong muốn góp phần nhỏ bé vào việc luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc phát huy thế mạnh ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG TÁC PHẨM “BIỆN CHỨNG CỦA TỰ NHIÊN”

1.1. KHÁI LƯỢC VỀ TÁC PHẨM “BIỆN CHỨNG CỦA TỰ NHIÊN”

Phridorich Ăngghen (Friedrich Engels) sinh ngày 28-11-1820 và mất ngày 5-8-1895. Ông sinh ra trong gia đình chủ xưởng dệt ở thành phố Bacmen. Khi còn là học sinh trung học, Ph. Ăngghen học rất giỏi nhiều lĩnh vực. Lẽ ra, sau khi tốt nghiệp trung học, Ph. Ăngghen phải theo học luật nhưng theo ý của cha, ông thôi học một năm trước khi thi tốt nghiệp để học nghề buôn. Ph. Ăngghen đã căm ghét sự chuyên chế và độc đoán của bọn quan lại, ông đã kiên trì tự học, nuôi ý chí làm khoa học và hoạt động cải biến xã hội bằng cách mạng. Lúc đầu, Ph. Ăngghen chưa tiếp xúc với phong trào tự do, dân chủ mà chỉ bó trong phạm vi khát vọng tự do chung chung, mơ hồ. Với bản chất nhân đạo của mình, ông quan tâm tha thiết với nhiều vấn đề xã hội hơn vấn đề chính trị. Sau đó, ông tiếp xúc với phong trào “Nước Đức trẻ” – hiện thân của khát vọng giải phóng thời bấy giờ. Chẳng bao lâu, sau cuộc tranh luận về cuốn “*Cuộc đời của Giêsu*”, Ph. Ăngghen chuyển sang trận tuyến của phái “Hêghen trẻ”. Với lòng hăng hái của tuổi trẻ, Ph. Ăngghen chuẩn bị tham gia những cuộc đấu tranh của thời đại, đấu tranh cho tự do và nền triết học mới.

Ông đã say mê nghiên cứu triết học, đặc biệt là các tác phẩm của Hêghen. Vì vậy, năm 1841, trong khi đang làm nghĩa vụ quân sự ở Béclin, ông thường xuyên dự thính các bài giảng về triết học tại trường Đại học Tổng hợp Béclin và tham gia vào các nhóm Hêghen trẻ. Sau đó, ông đọc “*Bản chất đạo Cơ đốc*”, tác phẩm này của Phoiobắc đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến thế giới

quan của ông và cũng từ đây dẫn đến bước chuyển biến căn bản trong thế giới quan và lập trường chính trị của ông.

Ph. Ăngghen đã phát triển triết học Mác thông qua việc khái quát các thành tựu khoa học và phê phán các lý luận triết học duy tâm, siêu hình và cả những quan niệm duy vật tầm thường ở những người tự nhận là người mácxít nhưng lại không hiểu đúng thực chất của học thuyết Mác.

Trong toàn bộ các tác phẩm của Ph. Ăngghen thì “Biện chứng của tự nhiên” là một trong số những tác phẩm giữ vai trò nổi bật nhất và có ý nghĩa nhất trong thời đại hiện nay.

Tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” là tác phẩm chưa hoàn thành, được trình bày theo những tiêu đề khác nhau rút ra từ các bản thảo, các trích đoạn, bài viết tán mạn, chứ không tập trung thành từng phần mạch lạc như các tác phẩm khác. Có thể nói rằng mục đích chủ đạo của tác phẩm là phân tích các thành tựu khoa học tự nhiên đã đạt được thời bấy giờ để chứng minh cho các nguyên lý và quy luật của phép biện chứng duy vật, từ đó giải quyết các vấn đề quan trọng của triết học lẫn khoa học tự nhiên. Nội dung cốt lõi của tác phẩm tập trung ở tên gọi của nó – “Biện chứng của tự nhiên”.

Quá trình viết và xuất bản tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” của Ph. Ăngghen trải qua nhiều giai đoạn khó khăn và phức tạp. Tuy tác phẩm chưa được hoàn thành nhưng đây là một tác phẩm lớn đầu tiên của chủ nghĩa Mác bàn về giới tự nhiên và về khoa học. Ph. Ăngghen bắt tay viết tác phẩm này từ mùa xuân năm 1873, nhưng đến năm 1876 thì bị gián đoạn. Ph. Ăngghen phải để hai năm viết những bài báo phê phán chủ nghĩa Duyrinh. Sau đó, ông lại tiếp tục tập hợp tài liệu, viết được một số chương ở dạng sơ thảo hay trích đoạn và nghiên cứu những vấn đề phép biện chứng của tự nhiên cho đến năm 1883, khi C. Mác qua đời. Ph. Ăngghen lại một lần nữa phải tạm dừng công

việc nghiên cứu về khoa học tự nhiên để tập trung vào công việc chính lý, hoàn thiện và đưa xuất bản tập II đến tập IV của bộ *Tư bản* của C. Mác. Những năm 1885-1886, Ph. Ăngghen bổ sung vào “Biện chứng của tự nhiên” khá nhiều ý tưởng mới. Tuy nhiên tác phẩm vẫn chưa hoàn thành cho đến khi Ph. Ăngghen mất (1895) nên chưa xuất bản được. Chỉ có hai bài “Tác dụng của lao động trong quá trình chuyển biến từ vượn thành người” và “Khoa học tự nhiên trong thế giới thần linh” được xuất bản sau khi Ph. Ăngghen mất, lần lượt vào những năm 1896 và 1898. Còn lại, toàn bộ bản thảo tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” bị những người xã hội - dân chủ Đức cất giấu đi, không đưa ra xuất bản. Lý do chủ yếu là Bécstanh - lãnh tụ của Đảng xã hội - dân chủ Đức - là người chống lại chủ nghĩa Mác, đồng thời Bécstanh là người theo quan điểm của thuyết Cantơ mới mà Ph. Ăngghen đã phê phán kịch liệt trong tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên”. Mãi tới năm 1925, với sự quan tâm của Đảng Cộng sản Liên Xô, tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” của Ph. Ăngghen mới được xuất bản ở Mátxcova.

Ngày nay, tác phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau trên thế giới. Và bản dịch Tiếng Việt của tác phẩm này được Nhà xuất bản Sự thật dịch và ban hành lần đầu tiên năm 1963 mang tên “Phép biện chứng của tự nhiên” và sau đó đổi thành “Biện chứng của tự nhiên”. Bản dịch đầy đủ tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” được in trong C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, tập 20, do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành năm 1994.

Trong tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” có nhiều dự đoán do Ph. Ăngghen nêu lên chỉ một thời gian ngắn ngay sau đó đã được khoa học chứng minh là đúng đắn. Và cũng có những dự đoán vượt trước thời đại khá xa, thậm chí chúng còn được xác nhận là đúng đắn nhờ sự phát triển khoa học kỹ thuật của thời đại ngày nay. Mặc dù tác phẩm chưa hoàn thành nhưng nó chứa

đựng nhiều vấn đề quan trọng của phép biện chứng, nhiều tư tưởng, nhiều luận điểm và nhiều chỉ dẫn quan trọng về vai trò của lịch sử triết học, về mối quan hệ giữa triết học và các khoa học cụ thể, về bảo vệ môi trường tự nhiên... vẫn có ý nghĩa thời sự, ý nghĩa phương pháp luận không những chỉ có giá trị đối với thời đại hiện nay mà chắc chắn sẽ có giá trị rất lâu dài về sau.

Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên được Ph. Ăngghen đề cập và trong phần “Mở đầu” của tác phẩm [20, tr. 458 - 483] và phần “Tác dụng của lao động trong việc biến vượn thành người” [20, tr. 641- 658].

Vào thời đại của mình, Ph. Ăngghen được biết hoặc chứng kiến hàng loạt các phát minh trong khoa học tự nhiên tác động đến đời sống xã hội và tạo nên nhiều biến đổi trong ý thức con người. Ba phát minh vĩ đại – định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; thuyết tế bào; thuyết tiến hóa của Đacuyn – được Ph. Ăngghen phân tích trong nhiều tác phẩm, đặc biệt là “Biện chứng của tự nhiên” và “Lútovich Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức”. Những thành tựu của khoa học tự nhiên đã chứng minh tính chất biện chứng của quá trình diễn ra trong tự nhiên, và nó cũng chứng minh cho khẳng định dưới đây của Ph. Ăngghen là đúng đắn. Ông cho rằng: con người là kết quả của sự tiến hóa lâu dài trong nhiều triệu năm của vật chất, là “một phần cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được” [20, tr. 475].

1.2. QUAN ĐIỂM CỦA PH. ĂNGGHEN VỀ CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG TÁC PHẨM

1.2.1. Quan điểm về con người

Có thể nói, vấn đề con người là một trong những vấn đề trung tâm và quan trọng nhất từ trước đến nay. Bởi vậy, việc tìm kiếm câu trả lời cho vấn

đề con người là gì, vai trò của con người trong thế giới ra sao... đã diễn ra trong suốt chiều dài lịch sử tư tưởng nhân loại từ cổ đến kim mà trước hết là trong lịch sử tư tưởng triết học.

*** Trong triết học trước Mác**

Quan điểm của triết học Mác nói chung và của Ph. Ăngghen nói riêng là sự kế thừa và phát triển các quan điểm duy vật trước Mác, nhất là chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII - XVIII. Do đó để hiểu được một cách sâu sắc quan điểm của Ph. Ăngghen, trước hết chúng ta cần điếm qua những thành tựu và hạn chế của quan điểm duy vật trước Mác về con người.

Trong lịch sử triết học trước Mác đã từng tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề con người: Chủ nghĩa duy tâm tôn giáo quan niệm con người là do Thượng đế, Chúa trời và linh hồn tối cao sinh ra, giá trị cao nhất của con người là “linh hồn vĩnh cửu”; những nhu cầu vật chất, sinh vật chỉ là tạm thời, tầm thường, nhỏ nòi của con người.

Khác với chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo, chủ nghĩa duy vật trước Mác lại đề cao vai trò của con người trong thế giới, đặc biệt chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII – XVIII và của Phoiơbắc.

Các nhà duy vật thế kỷ XVIII chứng minh rằng con người là sản phẩm của tự nhiên, là thể thống nhất giữa cơ thể và ý thức. Họ đứng trên lập trường vô thần bác bỏ quan niệm về linh hồn bất tử, về sự tách rời giữa ý thức và cơ thể. Tuy nhiên, quan điểm của họ về con người không thể thoát khỏi những hạn chế bởi thế giới quan máy móc của họ. Họ chưa thấy vai trò to lớn của ý thức con người trong việc nhận thức và cải tạo tự nhiên.

Hônbach, trong “Hệ thống của tự nhiên” đã viết:

“Con người là tác phẩm của tự nhiên, anh ta tồn tại trong tự nhiên và phục tùng quy luật của tự nhiên, không thể thoát khỏi tự nhiên, thậm chí về mặt tư tưởng cũng không thể vượt khỏi tự nhiên được...”

Sự phân biệt đã từng có giữa con người vật chất và con người tinh thần rõ ràng chỉ là sự lạm dụng thuật ngữ. Con người hoàn toàn là vật chất; con người tinh thần không có gì hơn là cái tồn tại vật chất này.”
[49, tr. 10]

Một khuyết điểm khác của chủ nghĩa duy vật trước Mác là: các nhà triết học duy vật thế kỷ XVIII coi con người là sản phẩm thụ động của hoàn cảnh và giáo dục, nhưng không thấy thấy rằng chính con người đã tác động, cải tạo hoàn cảnh và giáo dục không phải là vạn năng. C. Mác viết:

“Cái học thuyết duy vật chủ nghĩa cho rằng con người là sản phẩm của những hoàn cảnh và của giáo dục, rằng do đó con người đã biến đổi là sản phẩm của những hoàn cảnh khác và của một nền giáo dục đã thay đổi, - cái học thuyết ấy quên rằng chính những con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục.” [21, tr. 18]

L. Phoiơ bắc (Ludwig Feuerbach) là một nhà triết học duy vật kiệt xuất, triết học của ông là một trong những tiền đề lý luận của C. Mác và Ph. Ăngghen, nhưng con người trong triết học Phoiơbắc vẫn là *con người trừu tượng* như Ph. Ăngghen nhận xét:

“Về hình thức ông là một người hiện thực chủ nghĩa, ông lấy con người làm xuất phát điểm; song ông hoàn toàn không nói đến thế giới trong đó con người ấy sống, vì vậy con người mà ông nói, luôn luôn là con người trừu tượng vẫn chiếm cứ lĩnh vực triết học về tôn giáo.” [22, tr. 420]

Phoiobắc nói: “Con người là cái mà anh ta ăn vào. Thức ăn biến thành máu, máu biến thành tim và óc, chất liệu của tư tưởng và thái độ.” [59]. Câu nói này cho thấy, rõ ràng Phoiobắc tuyệt đối hóa yếu tố vật chất của con người, không thấy tính độc lập của ý thức.

Mặc dù là một trong những nhà duy vật lớn nhất của triết học trước Mác đấu tranh quyết liệt chống chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo nhưng Phoiobắc không hiểu được hoạt động thực tiễn xã hội của con người, không hiểu được vai trò của thực tiễn sản xuất trong quá trình nhận thức thế giới và cải tạo thế giới, coi thực tiễn là hoạt động “con buôn” tầm thường, bản thiêu. Hạn chế lớn nhất trong triết học “nhân bản” của ông là ở chỗ hiểu không đúng về con người và bản chất con người [26]. trong Luận cương về Phoiobắc, C. Mác viết:

“Phoiobắc muốn xem xét những khách thể cảm giác được, thực sự khác biệt với những khách thể của tư tưởng, nhưng ông không xem xét bản thân hoạt động của con người, như là hoạt động *khách quan*. Bởi thế, trong ‘Bản chất đạo Cơ Đốc’, ông chỉ coi hoạt động lý luận là hoạt động đích thực của con người, còn thực tiễn thì chỉ được ông xem xét và xác định trong hình thức biểu hiện Do Thái bản thiêu của nó mà thôi. Vì vậy, ông không hiểu được ý nghĩa của hoạt động ‘cách mạng’, của hoạt động ‘thực tiễn - phê phán’”. [21, tr. 16]

Có thể nói, những quan niệm về con người trong triết học trước Mác, mặc dù đã cố gắng tìm hiểu và giải thích về con người từ nhiều khía cạnh khác nhau và đã đưa ra nhiều cách hiểu khác nhau về con người và bản chất của con người nhưng cuối cùng vẫn chưa nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của con người trong sự phát triển của xã hội. Do không nhận thấy tính năng động, sáng tạo của con người nên họ chỉ coi con người như một thực thể thụ

động trước tác động của môi trường xung quanh, không thấy được con người với tư cách là chủ thể hoạt động có ý thức, sáng tạo ra lịch sử và sáng tạo ra chính bản thân mình nhờ lao động. Họ không đề ra được những phương hướng, biện pháp nhằm giải phóng và phát triển con người. Những hạn chế chủ yếu trong nhận thức về con người và bản chất con người của các hệ thống triết học trước Mác là do xuất phát từ lập trường duy tâm hoặc từ phương pháp siêu hình trong cách xem xét vấn đề con người. Tuy nhiên, mặc dù còn có những hạn chế nhất định nhưng triết học trước Mác đã cung cấp những “tư liệu” quý báu, tạo tiền đề và đặt ra những vấn đề khoa học cho triết học Mác - Lênin tiếp tục giải quyết một cách đúng đắn vấn đề bản chất con người và vai trò của con người trong đời sống hiện thực của xã hội.

*** Con người triết học Mác – Ph. Ăngghen**

Vượt lên tất cả những hạn chế của lịch sử, triết học Mác với thế giới quan duy vật triệt để và phương pháp biện chứng khoa học đã giải quyết một cách toàn diện và khoa học vấn đề con người. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin đánh dấu một bước ngoặt có tính cách mạng trong việc giải quyết những vấn đề liên quan đến con người và tương lai của xã hội loài người.

Triết học Mác khẳng định: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội” [21, tr. 11]. Từ quan điểm này con người được coi như một thực thể thống nhất giữa mặt tự nhiên với mặt xã hội.

Về mặt tự nhiên, con người trước hết là một cơ thể sống, bộc lộ đầy đủ các quá trình sinh học, như các hiện tượng sinh lý, di truyền, thần kinh, điện – hóa và các quá trình khác; và quá trình hình thành, phát triển của con người trước hết phục tùng các quy luật tự nhiên. Về mặt xã hội, con người là một

nhân cách văn hóa, bộc lộ các tổ chất tâm lý, tính cách,... là chủ thể các quan hệ xã hội, lao động, giao tiếp, sinh hoạt... và quá trình hình thành, phát triển của con người không thể không tuân theo các quy luật xã hội. Triết học Mác không tách biệt hai mặt đó mà nhìn nhận con người tồn tại và phát triển trong tính toàn vẹn thống nhất của cả hai quá trình.

Quan điểm duy vật về lịch sử đã giúp Ph. Ăngghen và C. Mác có sự tương đồng hoàn toàn trong cách xem xét vấn đề con người. Ph. Ăngghen cho rằng, con người là kết quả của sự tiến hóa lâu dài trong hàng triệu năm của vật chất, là “một cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được” [23, tr. 55]. Nguồn gốc tự nhiên đó làm cho quan niệm đối lập giữa con người với tự nhiên hoàn toàn trở nên phi lý.

Con người, xét về mặt tiến hóa có nguồn gốc từ tự nhiên, là sản phẩm của tự nhiên – một sinh vật có tổ chức cao nhất của vật chất. Con người khác những loài vật không những về mặt sinh vật học mà còn về tính chất sinh hoạt xã hội do chính hoạt động của con người tạo ra. Con vật sống dựa hoàn toàn vào tặng phẩm của tự nhiên, còn con người phải bằng lao động sản xuất để cải tạo tự nhiên, sáng tạo ra của cải vật chất, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của mình, con người chế tạo được những công cụ lao động để chế biến những nguyên liệu tự nhiên, cải tạo tự nhiên bằng những hoạt động thực tiễn, có kế hoạch và có mục đích. Con người, theo đó, không phải được tạo ra bởi sức mạnh huyền bí, nó là sản phẩm hoàn hảo nhất, là kết quả quá trình phát triển lâu dài của tự nhiên, con người đồng thời thực hiện hoạt động cải tạo tự nhiên, biến nó thành thế giới có ý nghĩa đối với con người. Ph. Ăngghen viết:

“Chỉ có con người là mới đạt được đến chỗ in cái dấu của mình lên giới tự nhiên, không chỉ bằng cách di chuyển các loài thực vật và động vật từ chỗ này sang chỗ khác, mà còn làm biến đổi cả diện mạo, khí hậu

của nơi họ ở, thậm chí còn làm biến đổi cả cây cỏ và các thú vật tới một mức độ mà kết quả của hoạt động của họ chỉ có thể biến mất, khi nào toàn bộ trái đất tiêu vong” [20, tr. 475].

Mặt khác, bản chất của con người theo C. Mác thì không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt mà: trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội. Ở đây, C. Mác đã đặc biệt nhấn mạnh “trong tính hiện thực” bởi vì luận điểm xuất phát của C. Mác là luận điểm cho rằng, xét về thực chất, quá trình hình thành và phát triển đời sống con người là hoạt động sản xuất, hoạt động thực tiễn của con người. Các quá trình tư tưởng tinh thần là sự thể hiện của đời sống thực tiễn mang đầy tính khách quan của con người. Để nhận thức đúng đắn về con người, về bản chất con người trong mỗi quan hệ thì phải xem xét con người với tư cách là con người hiện thực, con người với đời sống xã hội hiện thực của nó, với sự phát triển lịch sử của nó, thông qua những hành động lịch sử và các mối quan hệ của nó.

Trong “Lời nói đầu” của tác phẩm và trong phần “Tác dụng của lao động trong sự chuyển biến từ vượn thành người” và trong nhiều phần khác của “Biện chứng của tự nhiên”, Ph. Ăngghen đã phân tích quá trình phát sinh đó rất thuyết phục và khẳng định: “cùng với con người, chúng ta bước vào lĩnh vực lịch sử”. Chính từ đó xuất hiện mối quan hệ giữa con người – tự nhiên.

Không có thế giới tự nhiên, không có lịch sử xã hội thì không tồn tại con người. Ph. Ăngghen cho rằng:

“Thú vật cũng có một lịch sử phát triển dần dần của chúng cho tới trạng thái hiện nay của chúng. Nhưng lịch sử ấy không phải do chúng làm ra và trong chừng mực mà chúng tham dự vào việc làm ra lịch sử ấy

thì điều đó diễn ra mà chúng ta không thể biết và không phải do ý muốn của chúng. Ngược lại, con người càng cách xa con vật, hiểu theo nghĩa hẹp của từ này bao nhiêu thì con người lại càng tự mình làm ra lịch sử của mình một cách có ý thức bấy nhiêu” [20, tr.476].

1.2.2. Quan điểm về tự nhiên

Về vấn đề con người và tự nhiên, tư tưởng của Ph. Ăngghen hoàn toàn giống với tư tưởng của C.Mác.

C. Mác khẳng định: Giới tự nhiên là “thân thể vô cơ” của con người. Đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền khăng khít với tự nhiên vì con người là bộ phận của tự nhiên, là giai đoạn cao nhất trong quá trình phát triển của giới tự nhiên, con người tuân theo các quy luật của tự nhiên và hòa mình vào tự nhiên. Con người hoàn toàn không thể thống trị tự nhiên như một người sống bên ngoài tự nhiên. Con người có khả năng cải tạo tự nhiên và đồng thời giữ vị trí chủ động trong mối quan hệ với tự nhiên.

C. Mác định nghĩa: “Tự nhiên theo nghĩa rộng là tất cả những gì đang tồn tại khách quan – toàn thể giới với tất cả các hình thức biểu hiện muôn màu, muôn vẻ của nó” [21, tr. 503]. Theo nghĩa này, khái niệm “tự nhiên” đồng nhất với khái niệm “thế giới vật chất”, “vũ trụ”, là toàn bộ hiện thực vật chất. Như vậy, tự nhiên là toàn bộ thực tại khách quan, là một hệ thống vật thể khăng khít với nhau, còn con người và xã hội loài người chỉ là một bộ phận đặc biệt của tự nhiên mà thôi.

Giới tự nhiên là hiện thực đầu tiên của thế giới, tự nhiên có trước con người và xã hội loài người, con người được sinh ra từ tự nhiên. Quá trình phát triển của môi trường tự nhiên đã sản sinh ra sự sống (điều này đã được các khoa học chuyên ngành chứng minh). Sự xuất hiện của con người là một bước nhảy vọt về chất trong quá trình tiến hóa lâu dài của môi trường tự

nhiên, như Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Bản thân con người, là sản vật của giới tự nhiên, một sản vật đã phát triển trong một môi trường nhất định” [20, tr. 55]. Vì vậy, xét về mặt nguồn gốc phát sinh, con người được sinh ra từ môi trường tự nhiên, xét về mặt cấu trúc của thể giới, con người là một bộ phận đặc thù của tự nhiên. Đặc thù vì, về mặt cấu tạo của cơ thể, con người là một động vật bậc cao, có sự phát triển của bộ não và đôi tay tự do, điều này có được đã do con người đã tích cực lao động vì bản năng sinh tồn. Lúc đầu, đời sống con người được duy trì là nhờ dựa vào môi trường tự nhiên, khai thác những cái có sẵn trong tự nhiên để tồn tại. Ph. Ăngghen viết:

“Ban đầu, bản thân giới tự nhiên là cái kho chứa, mà trong đó có con người – cũng là tiền đề với tính cách là sản phẩm của tự nhiên – kiếm được những sản phẩm có sẵn của tự nhiên để tiêu dùng, cũng như con người tìm được trong những khí quan của cơ thể bản thân mình những tư liệu sản xuất đầu tiên để chiếm hữu những sản phẩm đó” [24, tr.110].

Theo nghĩa hẹp, tự nhiên là “tập hợp các điều kiện thiên nhiên vốn có sẵn, tồn tại ngoài tác động của con người, trước hết là môi trường địa lí và những điều kiện vật chất cần cho sự tồn tại của xã hội loài người do chính con người tạo ra” [20, tr. 501]. Tự nhiên là môi trường sống của con người và xã hội loài người. Cố nhiên, đó là vai trò không gì thay thế được và nó không bao giờ mất đi dù cho xã hội phát triển đến mức độ nào đi chăng nữa. Nói cách khác, tự nhiên đó là điều kiện đầu tiên, thường xuyên và tất yếu trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất, là một trong những yếu tố cơ bản của những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội. Nó là tiền đề, là yêu cầu của sự tồn tại và phát triển của xã hội. Vì vậy, C. Mác đã kết luận: công nhân sẽ

không thể sáng tạo ra cái gì hết nếu như không có giới tự nhiên, thế giới hữu hình bên ngoài.

Ph. Ăngghen cho rằng: “Giới tự nhiên là cái cung cấp những vật liệu cho lao động biến thành của cải” [20, tr. 641]. Nói cách khác, giới tự nhiên là môi trường sống của con người và xã hội loài người. Con người và môi trường tự nhiên ngay từ đầu và mãi mãi luôn có quan hệ thống nhất hữu cơ với nhau, vai trò này của nó là giá trị không có gì có thể thay thế được và cũng không bao giờ bị mất đi trừ khi vũ trụ tan biến, cho dù xã hội phát triển đến mức độ nào hay tan biến đi chăng nữa.

Tuy nhiên quan điểm về tự nhiên trong triết học Mác – Ăngghen có điểm khác với quan điểm duy vật trước các ông ở chỗ các ông không xem xét giới tự nhiên như là cái gì đó hoàn toàn xa lạ, tác rời con người và hoạt động thực tiễn của con người. Trong “Hệ tư tưởng Đức”, C. Mác và Ph. Ăngghen nói rằng, giới tự nhiên tồn tại chung quanh con người ngày nay cũng không còn là giới tự nhiên có trước con người, mà là giới tự nhiên đã bị con người làm biến đổi rồi.

“Hơn nữa cái giới tự nhiên có trước lịch sử loài người ấy lại không phải là giới tự nhiên trong đó Feuerbach đang sống; ngày nay giới tự nhiên ấy không còn tồn tại ở đâu cả, có lẽ chỉ trừ ở mấy hòn đảo san hô mới hình thành ở Australia, như vậy nó cũng không tồn tại cả đối với Feuerbach.” [21, tr. 64]

1.3. SỰ PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG TÁC PHẨM

Những tư tưởng về sự gắn kết đặc biệt giữa con người và tự nhiên được đề cập từ rất sớm trong lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, sự đề cập đó được nói đến bằng những cách khác nhau và khá mờ nhạt qua từng thời kỳ lịch sử. Mặc

dù, mối quan hệ giữa con người và tự nhiên được đề cập khá sớm trong lịch sử tư tưởng triết học, nhưng phải đến khi chủ nghĩa Mác đề cập đến vấn đề này thì nó mới được bàn đến một cách đúng đắn và khoa học. Sự ra đời của Triết học Mác đã tạo ra bước ngoặt cách mạng trong lịch sử triết học, đã chinh phục được trái tim và khối óc của nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới. Sự phát triển lịch sử văn minh nhân loại đã chứng tỏ rằng chỉ có triết học Mác với quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy mới giúp chúng ta nhận thức một cách khoa học và cách mạng về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

Quan điểm của triết học Mác –Lênin về mối quan hệ ấy được thể hiện sâu sắc qua quan niệm về con người, về tự nhiên, về sự tác động biện chứng giữa con người và tự nhiên, đồng thời khẳng định được vị trí của con người trong mối quan hệ với tự nhiên. Mối quan hệ này được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đề cập tương đối nhiều và khá tập trung trong các tác phẩm của mình, mặc dù nó không được tập trung trọn vẹn trong một tác phẩm nhưng vấn đề này được các ông bàn đến khá kỹ lưỡng và sâu sắc.

1.3.1. Sự tồn tại gắn bó giữa xã hội với tự nhiên, vai trò của tự nhiên đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội con người

- Xã hội và tự nhiên tồn tại trong thể thống nhất vật chất của thế giới

Thế giới vật chất rất đa dạng và phong phú chỉ là những biểu hiện khác nhau của vật chất đang vận động. Sự đa dạng và phong phú đó chịu sự chi phối bởi các quy luật khách quan của thế giới vật chất đó là tính thống nhất vật chất của thế giới. Trong tác phẩm *Chống Duy linh*, khi phê phán quan điểm của Duy linh cho rằng tính thống nhất của thế giới là ở sự tồn tại của nó, và theo Ph. Ăngghen:

“... Tính thống nhất thực sự của thế giới là ở tính vật chất của nó, và tính vật chất này được chứng minh không phải bằng vài ba lời lẽ khéo léo của kẻ làm trò ảo thuật mà bằng một sự phát triển lâu dài và khó khăn của triết học và khoa học tự nhiên” [20, tr. 67].

Sự thống nhất của thế giới ở tính vật chất được chứng minh một cách khoa học. Như vậy, mọi quan điểm đối lập giữa tinh thần với vật chất, giữa con người với tự nhiên cho thấy rằng con người và tự nhiên là một thể thống nhất với nhau. Như vậy, nguyên lý tính thống nhất vật chất của thế giới là nền tảng trong việc xem xét mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Chứng minh rằng thế giới các sự vật có liên hệ mật thiết với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau trong sự vận động phát triển không ngừng và xã hội loài người có nguồn gốc từ tự nhiên thông qua quá trình lao động đã chuyên hóa từ vượn thành người.

- Con người xuất hiện trên trái đất là kết quả của quá trình tiến hóa lâu dài của tự nhiên và phát triển cùng với việc người tác động biến đổi tự nhiên thông qua lao động

C. Mác coi xã hội là giai đoạn cao nhất trong sự phát triển thống nhất giữa lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội. Mọi lịch sử đều xuất phát từ cơ sở tự nhiên và từ những thay đổi của chúng do hoạt động của con người tạo ra trong quá trình lịch sử. Không thể có lịch sử bên ngoài tự nhiên được. Chính vì lẽ đó theo Mác, *chỉ có một lịch sử duy nhất nhưng có thể xem xét ở hai mặt, đó là lịch sử tự nhiên và lịch sử nhân loại*. Hai mặt đó không tách rời nhau, độc lập với nhau mà có sự quy định lẫn nhau, quan hệ chặt chẽ với nhau. C. Mác nói: “Chừng nào mà loài người còn tồn tại thì lịch sử của họ và lịch sử tự nhiên quy định lẫn nhau.” [21, tr. 25].

Chính trong sự tác động liên tục không ngừng ấy, đã làm cho con người và tự nhiên thể hiện những vai trò khác nhau và bổ sung cho nhau.

Trong “Biện chứng của tự nhiên”, Ph. Ăngghen đã lý giải cụ thể về nguồn gốc của con người chính là kết quả của sự tiến hóa và phân hóa của tự nhiên như sau:

“Cả con người cũng xuất hiện nhờ sự phân hoá và không những phân hoá về phương diện cá thể - bằng cách phát triển từ một tế bào trứng duy nhất đến một cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được - mà còn phân hoá theo ý nghĩa lịch sử nữa. Sau cuộc đấu tranh kéo dài hàng nghìn năm, cuối cùng, bàn tay đã phân biệt với bàn chân và dáng đi thẳng đã được xác lập vững chắc rồi, thì con người tách khỏi con khỉ, và mới có cơ sở cho sự phát triển của tiếng nói có âm tiết và cho sự phát triển mạnh mẽ của bộ óc, sự phát triển đã làm cho cái vực sâu giữa người và khỉ từ đó trở nên không thể vượt qua.”
[20, tr. 475]

- Giới tự nhiên là cơ sở vật chất của thân thể con người, là điều kiện, môi trường sống của con người

Trong các tác phẩm: “Hệ tư tưởng Đức”, “Tư bản” và trong nhiều thư từ cũng như những nhận xét của mình, C. Mác đã trực tiếp hay gián tiếp đề cập đến vấn đề này. Đặc biệt ngay trong “Bản thảo kinh tế triết học 1844”, C. Mác đã cho rằng “giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người” và chính nó là giới tự nhiên trong chừng mực bản thân nó không phải là con người.

Ngày nay khoa học đã chứng minh rằng con người không thể tồn tại trong bất cứ môi trường tự nhiên nào. Bằng chứng là chúng ta chưa tìm thấy một hành tinh nào khác ngoài trái đất có sinh vật tồn tại, bởi vì chưa thấy có một hành tinh nào khác có những điều kiện, môi trường tự nhiên đáp ứng

được nhu cầu phức tạp của sự sống con người như trái đất chúng ta. Đó là những điều kiện về đất, nước, không khí, sinh vật được gọi với những tên khoa học như địa quyển, thủy quyển, khí quyển, sinh quyển, v.v.. Không có những điều kiện này thì sự sống của con người không thể tồn tại được.

- Tự nhiên là điều kiện thiết yếu của hoạt động sản xuất của con người

Trong lao động sản xuất, con người và xã hội không thể tách rời tự nhiên mà chỉ có thể tồn tại và phát triển dựa vào tự nhiên và làm biến đổi tự nhiên. Bởi vì không có tự nhiên thì con người không tiến hành sản xuất được và cũng chính sản xuất lại là điều kiện quyết định để con người biến đổi tự nhiên theo ý muốn của mình. Cho nên con người và tự nhiên đã biểu hiện sự gắn bó khăng khít với nhau, sự tác động không ngừng với nhau. Nhờ vậy, “loài người đã đủ khả năng hoàn thành những công việc ngày càng phức tạp hơn, có đủ khả năng tự đề ra và đạt được những mục đích ngày càng cao hơn” [20, tr. 650].

- Quan hệ giữa con người và tự nhiên không ngừng phát triển thông qua lao động sản xuất

Thông qua hoạt động cải biến tự nhiên mà con người tạo cho mình những điều kiện sinh hoạt mới. Rõ ràng bản thân con người đối diện với thực thể tự nhiên với tư cách là một lực lượng tự nhiên. Tức là, ở đây, con người chiếm hữu thực thể tự nhiên dưới một hình thức có ích cho đời sống của bản thân mình. Để làm điều này, con người vận dụng những sức tự nhiên thuộc về thân thể họ: đầu, tay, chân... tác động vào tự nhiên. Lúc này con người đã có thể phát triển những tiềm năng sẵn có ở trong bản thân và bắt buộc sự hoạt động của những tiềm năng ấy phải phục tùng quyền lực của mình. Điều đó cho thấy, chính lao động đã nâng cao con người lên cao hơn giới động vật, nó cũng nâng con người lên cao hơn giới tự nhiên; đồng thời liên kết chặt hơn

với tự nhiên. Vậy là, từ việc có vẻ như nắm bắt được các quy luật tự nhiên cộng với sự phát triển các nhu cầu ngày càng cao của con người, đã kích thích họ có thêm những hoạt động có mục đích, nhằm chế ngự các thế lực, các hiện tượng tự nhiên trong tự nhiên, bắt chúng phục vụ mình. Và cũng từ chỗ lợi dụng tự nhiên, dựa vào tự nhiên một cách thụ động, con người đã tiến đến chỗ biến đổi, cải tạo nó một cách chủ động, có phương pháp.

Kể từ khi mới thoát thai từ thế giới động vật để bước vào lịch sử xã hội, con người còn phụ thuộc gần như hoàn toàn vào môi trường tự nhiên, còn “chịu sự tác động mù quáng của những lực lượng chưa kiểm soát được” [20, tr. 477], bị chúng chi phối và thống trị. Dần dần, trong quá trình sản xuất xã hội, thông qua lao động, con người học được cách thuận theo và cải tạo môi trường tự nhiên trên cơ sở hiểu biết về giới tự nhiên hơn. Do đó con người ngày càng giảm bớt sự phụ thuộc của họ vào tự nhiên và ngày càng muốn thể hiện quyền hành cũng như sức mạnh của mình trước môi trường tự nhiên.

Để điều khiển được mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, trước hết con người với tư cách là nhân tố có ý thức duy nhất cần phải nhận thức được những quy luật tồn tại và phát triển của tự nhiên và tiếp theo là phải biết vận dụng một cách đúng đắn, chính xác những quy luật đó vào quá trình hoạt động thực tiễn của xã hội, mà quan trọng nhất là vào lĩnh vực sản xuất. Nói như Ph. Ăngghen: chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên là ở chỗ chúng ta khác với tất cả các sinh vật khác là chúng ta nhận thức được các qui luật của tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác.

1.3.2. Sự tác động của con người đến môi trường tự nhiên và hậu quả của nó

Sự tác động của con người đến tự nhiên khác với sự tác động của các loại động vật. Đây là sự tác động có ý thức thông qua hoạt động thực tiễn, trước hết là lao động sản xuất .

Bằng lao động sản xuất, con người biến đổi, cải tạo tự nhiên theo nhu cầu sản xuất của mình. Sự tác động này phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và ý thức sinh thái của con người. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, con người ngày càng có nhiều công cụ, phương tiện hiện đại hơn để tác động biến đổi tự nhiên. Vì thế giới tự nhiên bao quanh con người hôm nay khác xa với môi trường tự nhiên thời nguyên thủy. Theo Ăngghen thì con vật cũng có sản xuất nhưng “tác động sản xuất của chúng vào giới tự nhiên chung quanh hầu như là con số không đối với giới tự nhiên”. Ăngghen khẳng định:

“Chỉ có con người là mới đạt được đến chỗ in cái dấu của mình lên giới tự nhiên, không chỉ bằng cách di chuyển các loài thực vật và động vật từ chỗ này sang chỗ khác, mà còn làm biến đổi cả diện mạo, khí hậu của nơi họ ở, thậm chí còn làm biến đổi cả cây cỏ và các thú vật tới một mức độ mà kết quả của hoạt động của họ chỉ có thể biến mất, khi nào toàn bộ trái đất tiêu vong.” [20, tr. 475]

Sở dĩ có sự tác động như vậy vì con người có bộ óc biết chế tạo công cụ lao động. “Và cùng với sự hiểu biết ngày càng tăng một cách nhanh chóng về các quy luật tự nhiên, thì những phương tiện dùng để tác động trở lại vào giới tự nhiên cũng ngày càng tăng” [20, tr. 476]. Và cũng nhờ đó mà con người càng mở rộng sự thống trị của mình đối với giới tự nhiên, và

thống trị giới tự nhiên thì con người lại phát hiện thêm những thuộc tính mới của sự vật tự nhiên, mà trước đây chưa từng biết. Ph. Ăngghen viết:

“Dần dần với sự phát triển của bàn tay và với quá trình lao động, con người bắt đầu thống trị tự nhiên và cứ mỗi lần sự thống trị đó tiến lên một bước, là mỗi lần nó mở rộng thêm tầm mắt của con người. Trong các vật của giới tự nhiên, con người luôn luôn phát hiện ra được những đặc tính mới mà từ trước tới nay chưa ai biết đến.” [20, tr. 644-645]

Theo quan điểm của Ăngghen, sự tác động của con người đến tự nhiên có hai mặt: tích cực và tiêu cực:

- Sự tác động tích cực đúng quy luật sẽ làm cho môi trường tự nhiên càng ngày càng đẹp hơn, tốt hơn cho cuộc sống của con người.

Bằng hoạt động sản xuất, con người biến đổi tự nhiên, tạo ra những điều kiện tự nhiên mới thích hợp với cuộc sống của mình, như biết dùng lửa để nấu thức ăn, sưởi ấm, xây dựng nhà ở, làm đường giao thông, tạo ra đồng ruộng để trồng trọt, tạo ra những ao hồ, sông ngòi mới, xây dựng đê điều để ngăn lũ, do vậy con người có thể thích nghi với nhiều điều kiện tự nhiên khác nhau mà loài vật không thể có được khả năng này. Nhờ đó, Ăngghen nói:

“Con người đã tập ăn được tất cả những cái gì có thể ăn được, thì cũng đã tập sống được trong tất cả những vùng khí hậu khác nhau. Con người sống lan rộng ra đến tất cả những nơi nào có thể ở được. Người là một loài động vật duy nhất đã làm được điều đó một cách tự chủ.” [20, tr. 650]

Bằng “chọn lọc nhân tạo” con người đã tạo ra nhiều giống vật nuôi, cây trồng mới mà ngày nay chúng ta không biết rõ về nguồn gốc thực sự của những loài đó. Ph. Ăngghen viết:

“Nhờ phương pháp chọn lọc nhân tạo, bàn tay con người đã cải biến các giống thực vật và động vật, đến nỗi người ta không còn nhận ra được những giống ấy nữa. Hiện thời, người ta vẫn chưa tìm biết được những cây dại nào đã biến thành các loại ngũ cốc của chúng ta ngày nay. Người ta còn đang tranh luận xem con dã thú nào là tổ tiên của chó và ngựa, nhất là chó thì rất khác nhau và ngựa cũng có rất nhiều giống.”
[20, tr. 652-653]

Sự tác động của con người đến tự nhiên (lao động sản xuất) tạo ra nhiều thức ăn, nhất là thức ăn bằng thịt đã giúp có thể và nhất là bộ não con người phát triển. Cùng với sự phát triển của bộ não thì các giác quan của con người cũng phát triển theo. Ph. Ăngghen viết:

“Nhưng điều chủ yếu nhất là thức ăn bằng thịt đã tác động đến bộ óc, cung cấp rất nhiều hơn trước những chất cần thiết cho sự bồi dưỡng và phát triển của bộ óc, và nhờ đó mà từ thể hệ này sang thể hệ khác, bộ óc có thể phát triển nhanh chóng hơn và đầy đủ hơn. Xin các ngài ăn chay tha thứ, con người mà không ăn thịt thì không thể thành con người được”. [20, tr. 649]

Môi trường tự nhiên không chỉ là nơi ở và tiến hành các hoạt động sản xuất, mà còn là nơi tiến hành các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí, thư giãn của con người.

Với sự phát triển của khoa học và công nghệ và bằng lao động sản xuất, con người càng ngày càng làm chủ được tự nhiên, bắt tự nhiên phục vụ cho mục đích của mình. Ph. Ăngghen viết:

“Tóm lại, loài vật chỉ *lợi dụng* giới tự nhiên bên ngoài và gây ra những biến đổi trong giới tự nhiên, chỉ đơn thuần do sự có mặt của nó thôi; còn con người thì do đã tạo ra những biến đổi đó, mà bắt giới tự

nhiên phải phục vụ những mục đích của mình, mà *thống trị* giới tự nhiên. Và chính đó là sự khác nhau chủ yếu cuối cùng giữa con người và các loài vật khác, và một lần nữa, chính cũng là nhờ lao động mà con người mới có được sự khác nhau đó.” [20, tr. 654]

- Sự tác động tiêu cực trái quy luật sẽ làm cho tự nhiên ngày càng nghèo nàn đi, tự nhiên sẽ “trả thù” con người.

Không phải lúc nào cũng chỉ có con người mới tác động một chiều vào tự nhiên làm thay đổi các yếu tố cấu thành môi trường tự nhiên, cải biến môi trường, mà tự nhiên cũng có sự tác động chiều ngược trở lại một cách mạnh mẽ đối với con người. Và thậm chí sự tác động ngược đó đôi khi cũng chính là những lúc mà con người không thể dự đoán trước được hậu quả nặng nề của nó.

Điều này lí giải hệ thống con người – tự nhiên là một hệ thống động học thống nhất cần phải được đảm bảo ở trạng thái cân bằng. Đây là hệ thống hoạt động theo nguyên tắc liên hệ ngược chứ không phải chỉ có liên hệ một chiều thuận. Nghĩa là, không phải chỉ có con người tác động, cải biến tự nhiên mà tự nhiên cũng tác động ngược trở lại một cách mạnh mẽ đến con người. Đáng chú ý là sự tác động ngược trở lại này lại “không lường trước được”, thậm chí có thể phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên mà con người đã đạt được. Phải nhận thấy rằng, quyền hành và sự thống trị của con người đối với tự nhiên không phải lớn như người ta đã hình dung trong những thế kỷ trước, càng không phải là tuyệt đối. Nhất là khi con người với khoa học trong tay đã trở thành một lực lượng có sức mạnh biến đổi tự nhiên ngày càng lớn hơn gấp nhiều lần.

Ph. Ăngghen cảnh báo rằng chúng ta đừng vội mừng trước những thắng lợi trong sự tác động biến đổi tự nhiên của chúng ta và hãy coi chừng tự nhiên

sẽ “trả thù” chúng ta. Những trường hợp ở Mêdôpotami, ở Hy Lạp, ở Tiểu Á,... được Ph. Ăng ghen dẫn ra làm ví dụ là khá điển hình. Khi người ta phá rừng, khai hoang để lấy đất cày cấy, tăng thêm nguồn lương thực thì họ không nghĩ rằng khi phá rừng họ đã tạo ra nguồn gốc của hiểm họa về sau là hủy hoại các trung tâm chứa nước và giữ nước, gây nên lụt lội, hạn hán [31, tr. 310].

Ph. Ăng ghen cũng chỉ ra trường hợp:

“Khi đốt rừng trên các triền núi và lấy số phân tro đủ để bón cho *một* đời cây cà phê đem lại một số thu hoạch rất lớn, thì những người chủ đồn điền Tây Ban Nha ở Cu-ba có cần gì phải nghĩ rằng sau này, những trận mưa rào ở vùng nhiệt đới sẽ cuốn sạch lớp đất bên trên không có gì che chở và chỉ để lại những lớp đá trơ trụi!” [20, tr. 658].

Thiên nhiên là một người bạn của con người, điều đó không cần phải bàn luận gì thêm nữa, và vì thế nó không chịu được thái độ dã man đối với nó. Sử dụng một cách hợp lí, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, có thái độ quan tâm đối với tự nhiên là điều kiện không thể thiếu được của tiến bộ khoa học kỹ thuật và của tiến bộ xã hội nói chung.

Tuy nhiên, sự thống trị tự nhiên một cách tùy tiện sẽ dẫn đến những hậu quả tai hại đối với sự sống của chúng ta. Ngay từ lúc viết tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên”, Ph. Ăng ghen đã dự báo một vấn đề mà đến nay đã trở nên bức thiết – vấn đề sinh thái. Đây không phải là vấn đề của tự nhiên, bởi lẽ bản thân nó luôn đạt được sự cân bằng và sự bù trừ thường xuyên nếu không chịu những tác động thiếu kiểm soát của con người.

Sinh thái là một vấn đề xã hội, chủ thể gây ra hàng loạt biến đổi xấu của tự nhiên là con người. Mức độ hiểm họa của tự nhiên lệ thuộc vào phương thức sản xuất của xã hội đó. Tức là phương thức sản xuất càng hiện đại thì

việc làm tổn hại đến tự nhiên ngày càng lớn, và sẽ dẫn đến mức độ nguy hiểm cao khi tự nhiên quay lại trả thù.

Ngày nay, lực lượng sản xuất đã và đang phát triển mạnh mẽ, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kéo theo hậu quả hai mặt. Một mặt, đẩy mạnh sự chinh phục tự nhiên của con người, thông qua việc thúc đẩy sự phát triển của công nghệ, trang bị cho con người những tri thức cần thiết về môi trường tự nhiên. Mặt khác, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thải vào môi trường tự nhiên nhiều chất độc hại. Các chất độc đó không những đã làm ô nhiễm môi trường tự nhiên, làm mất đi khả năng tự phục hồi và tự bảo vệ của nó mà còn gây tổn thương và hủy diệt nhiều sinh vật, đi đến phá hoại cấu trúc của sinh quyển, làm đảo lộn kết cấu của môi trường.

Hơn thế, Ph. Ăngghen còn chỉ rõ :

“Nếu chúng ta đã phải trải qua hàng nghìn năm lao động, mới có thể trong một chừng mực nào đó, đánh giá được những hậu quả tự nhiên xa xôi của những hành động sản xuất của chúng ta, thì chúng ta lại càng phải trải qua nhiều khó khăn hơn nữa, mới có thể hiểu biết được những hậu quả xã hội xa xôi của những hành động ấy” [20, tr. 655-656].

Với sự phát triển mạnh mẽ của xã hội tư bản, Ph. Ăngghen phê phán rằng:

“Tất cả các phương thức sản xuất đã có từ trước đến nay chỉ nhằm đạt được những hiệu quả có ích gần nhất và trực tiếp nhất của lao động. Còn đối với những hậu quả xa xôi, sau này mới xuất hiện và chỉ có tác dụng khi nó tái diễn lại nhiều lần và tích tụ thêm lên mãi, thì người ta hoàn toàn không chú ý đến” [20, tr. 321].

Ph. Ăngghen phân tích:

“Những nhà tư bản riêng lẻ sản xuất và trao đổi để thu lợi nhuận trước mắt, cho nên trước hết họ chỉ chú ý đến những kết quả gần nhất,

trực tiếp nhất mà thôi... Khi đốt rừng trên các triền núi và lấy số phân tro đủ để bón cho một đời cây cà phê đem lại một số thu hoạch rất lớn, thì những người chủ đồn điền Tây Ban Nha ở Cu Ba có cần gì phải nghĩ rằng sau này, những trận mưa rào ở vùng nhiệt đới sẽ cuốn sạch lớp đất bên trên không có gì che chở và chỉ để lại những lớp đá trơ trụi ” [20, tr. 658].

Nguồn gốc sâu xa của những hành động phá hoại đó, theo Ph. Ăngghen là lợi nhuận. Đây chính là động lực thúc đẩy các nhà tư bản hành động bất chấp quy luật tự nhiên, bất chấp sự trả thù của tự nhiên, và cũng bất chấp cả tương lai của các thế hệ sau này. Khoa học ngày nay cũng đã xác minh khá chắc chắn về trường hợp tiêu vong của nền văn minh Maya. Nguyên nhân chính khiến cho nền văn minh này sụp đổ sau hơn 15 thế kỷ hưng thịnh là nền độc canh và đốt rừng tràn lan để lấy đất làm canh tác. Cả hai phương thức canh tác đó đã làm cho đất đai bạc màu, vừa gây hạn hán và lụt lội, phá hủy mùa màng. Vì vậy, đền đài đồ sộ của họ còn đó nhưng cái nuôi sống họ thì đã cạn kiệt; sau cùng là người Maya phải chịu cảnh sống phiêu bạt, bị các thế lực khác lớn hơn thống trị [10, tr. 310].

Tuy nhiên, nếu so sánh sự tiêu vong của nền văn minh Maya với hậu quả môi trường trong những thập niên gần đây, thì những tác hại trực tiếp của các hiện tượng tự nhiên như: mưa axit, sóng thần, gia tăng hiệu ứng nhà kính, mức độ thủng tầng ôzôn ngày càng lớn,... thật sự khủng khiếp hơn nhiều. Thảm họa môi trường diễn ra liên tục trên thế giới và Việt Nam đã và đang chứng minh cho lời cảnh báo của Ph. Ăngghen. Ví dụ như: trận địa chấn ở Thái Bình Dương gây sóng thần ở Đông Nam Á và Đông Á ngày 26-12-2004 làm 200.000 người thiệt mạng và mất tích. Trận động đất ở Tứ Xuyên-Trung Quốc ngày 12-5-2008 đã làm 80.000 thiệt mạng. Gần đây thiệt hại do sóng

thần, động đất ở Nhật Bản ngày 11-3-2011, theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho biết số người thiệt mạng lên tới 8.450 người, tổng thiệt hại lên đến 300 tỷ USD, tương đương 4% GDP của Nhật. Nhưng thiệt hại lớn nhất chưa thể thống kê hết được đó là ô nhiễm môi trường, làm lệch trục quay của trái đất, gây biến đổi khí hậu...

Bão lụt gia tăng cường độ và sức tàn phá của chúng trong những năm gần đây là hậu quả tất yếu của tình trạng trái đất nóng lên do hiệu ứng nhà kính, mà nguyên nhân chủ yếu của nó là việc các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nhiên liệu có hợp chất carbon đã thải một lượng quá lớn khí CO² vào trong bầu khí quyển. Ví dụ, bão Katrina tàn phá miền Đông Nam nước Mỹ ngày 24-8-2005, mới đây siêu bão Hayan tàn phá miền Trung Philippines ngày 8-11-2013 đã làm cho hàng nghìn người chết.

Theo Ăngghen, những hậu quả trên nhắc nhở chúng ta rằng: “chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên, mà trái lại, bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên là ở chỗ chúng ta, khác với tất cả các sinh vật khác, là chúng ta nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác.” [20, tr. 655].

Chính chế độ tư bản chủ nghĩa với mục tiêu tối đa lợi nhuận, với những quan điểm phiến diện về phát triển, là nguyên nhân chủ yếu gây nên hiểm họa môi trường. Như vậy theo Ph. Ăngghen để điều tiết mối quan hệ giữa con người và tự nhiên thì phải giải quyết mâu thuẫn giữa việc bảo vệ thiên nhiên với sự chiếm hữu tư nhân. Điều đó có nghĩa là muốn loại trừ tận gốc hậu quả xấu đối với môi trường thì phải xóa bỏ triệt để chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trong xã hội tư bản – con người phát triển kỹ thuật sản xuất thường quên một điều rằng tự nhiên không phải chỉ là của riêng của chúng ta. Không những người đang sống còn phụ thuộc vào tự nhiên mà kể cả những con người trong tương lai, những thế hệ mai sau cũng cần phải có tự nhiên. Chúng ta hiểu bản chất tự nhiên, hiểu bản chất của con người chưa đủ, mà phải nắm được quy luật tác động biện chứng giữa con người với tự nhiên. Hơn thế nữa chúng ta cần thấy được vị trí của con người trong việc đảm bảo sự hài hòa của mối quan hệ ấy, bởi vì chính con người quyết định tương lai của mình. Con người không ngừng chinh phục và cải biến tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu của mình nhưng đồng thời phải làm giàu tự nhiên và hòa thuận với tự nhiên.

Trước mắt con người vẫn đề quản lí toàn bộ sinh quyển của hành tinh như là một hệ thống thống nhất vì lợi ích của mình đang được đặt ra. Bất kỳ một quốc gia nào cũng không đủ sức giải quyết độc lập nhiệm vụ này. Sự tác động lẫn nhau giữa con người và tự nhiên mang tính chất toàn cầu, nó đòi hỏi phải kết hợp mọi nỗ lực của tất cả các nước và các lục địa để bảo vệ của cải của trái đất vì lợi ích của toàn thể nhân loại.

1.4. Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG PH. ĂNGGHEN ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HIỆN NAY

Qua phân tích mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của Ph. Ăngghen, cho ta thấy được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường tự nhiên là một yếu tố khách quan, có ý nghĩa sống còn đối với con người và xã hội loài người. Những dự báo khoa học đó của Ph. Ăngghen, đến nay đã trở thành một vấn đề to lớn được cả loài người quan tâm giải quyết vì *sự phát triển bền vững* của mỗi quốc gia, dân tộc và của cả hành tinh chúng ta. Tự nhiên là môi trường sống của con người và xã hội loài người, vai trò này của tự nhiên là không thể

thay thế được và không bao giờ bị mất đi. Giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người; và con người là một bộ phận của giới tự nhiên. Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội, nhưng hai mặt đó không tách rời nhau. Chừng nào mà loài người còn tồn tại thì lịch sử của họ và lịch sử tự nhiên được quy định lẫn nhau.

Trước những mối đe dọa của giới tự nhiên đối với sự sống của con người, mà nguyên nhân lại bắt nguồn từ chính sự kém hiểu biết và hành động sai lầm của con người, đòi hỏi chúng ta phải chú ý tới sự phát triển bền vững của chính mình. Đó là sự phát triển về mọi mặt trong hiện tại mà vẫn phải bảo đảm sự tiếp tục phát triển trong tương lai xa.

Vào đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX, khái niệm “phát triển bền vững” lần đầu tiên được sử dụng trong chiến lược bảo tồn thế giới do Hiệp hội Bảo toàn thiên nhiên quốc tế, Quỹ Động vật hoang dã thế giới và Chương trình môi trường Liên hiệp quốc đề xuất.

Đến giữa năm 1980, Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế - IUCN, công bố *Chiến lược bảo tồn Thế giới*, trong đó khẳng định: “Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học”.

Tuy nhiên, khái niệm này chính thức được phổ biến rộng rãi trên thế giới từ năm 1987 sau khi ủy ban thế giới về Môi trường và Phát triển do bà G.H. Brundtland làm Chủ tịch sử dụng trong Báo cáo phúc trình mang tựa đề “Tương lai chung của chúng ta” (thường được gọi là Báo cáo Brundtland). Báo cáo Brundtland cũng mở đường cho Liên hiệp quốc tổ chức hai hội nghị quan trọng: Hội nghị Thượng đỉnh về Trái đất diễn ra năm 1992 tại Rio de

Janeiro (Brazil) và Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững diễn ra vào năm 2002 tại Johannesburg (Nam Phi).

Năm 1992, tại Rio de Janeiro, Hội nghị thượng đỉnh về Trái Đất đã gửi đi một thông điệp tới các chính phủ về sự cấp bách trong việc đẩy mạnh sự hòa hợp kinh tế, phát triển xã hội cùng với bảo vệ môi trường. Như vậy, phát triển bền vững là một vấn đề còn tiếp tục được mở rộng ra nhiều vấn đề xã hội, như đảm bảo công bằng xã hội, nhưng *vấn đề bảo vệ môi trường luôn luôn là một trong những nội dung quan trọng của phát triển bền vững.*

Ở nước ta, khái niệm “phát triển bền vững” được biết đến, triển khai nghiên cứu lý luận bởi các nhà khoa học vào khoảng cuối thập kỷ 80 - đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX. Cùng với các nước trên thế giới, phát triển bền vững đã trở thành nhu cầu cấp bách và xu thế tất yếu trong tiến trình xây dựng, phát triển đất nước ta theo xu hướng CNH, HĐH. Tại Chi thị số 36-CT/TW ngày 25-6-1998 “Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước”, Bộ Chính trị nhấn mạnh: “Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước”.

Quan điểm phát triển bền vững của Đảng được nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 là: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” (ĐCSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXBCTQG, H.2001, tr.162). Đây là lần đầu tiên trực tam giác tăng trưởng kinh tế - thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội - bảo vệ môi trường với tư cách là những thành tố nằm trong mối liên hệ gắn kết chặt chẽ với nhau tạo nên sự

phát triển bền vững được Đảng ta đề cập một cách cụ thể, rõ ràng và trở thành quan điểm chính thức của Đảng. Đây là cơ sở lý luận để năm 2004 Chính phủ ban hành “Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam”.

Ngày 17-8-2004, Thủ tướng Chính phủ ta đã có quyết định về Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam, trong đó có chủ trương, biện pháp thực hiện 8 mục tiêu trên đây của MDG và tháng 9-2005 đã quyết định thành lập Hội đồng quốc gia về phát triển bền vững.

Tuy nhiên, trong những năm qua, đối chiếu với những mục tiêu thiên niên kỷ, thì thực trạng đất nước ta về thực hiện chủ trương phát triển kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường, cân bằng sinh thái vẫn còn tồn tại nhiều yếu kém từ nhận thức tới tổ chức thực hiện. Nạn chặt phá rừng đầu nguồn còn xảy ra tràn lan ở các tỉnh miền núi, tình trạng nước thải của các khu công nghiệp chưa qua xử lý gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước sinh hoạt ảnh hưởng tới đời sống của nhân dân. Nhiều địa phương có hóa chất độc hại tồn tại sau chiến tranh vẫn chưa được xử lý dứt điểm đã gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe nhân dân...

Để khắc phục tình trạng đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng xác định rõ yêu cầu cần thực hiện: “Coi trọng việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội. Thực hiện tốt Chương trình nghị sự XXI”.

Nếu trong văn kiện Đại hội IX và X, Đảng ta chủ yếu đưa ra những quan điểm có tính chất định hướng cho sự phát triển bền vững đất nước thì tại Đại hội XI, quan điểm phát triển bền vững được thể hiện tập trung, xuyên suốt trong văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng, từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 cho đến Báo cáo chính trị của Ban

Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; biểu hiện trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường... Giữa phát triển nhanh và phát triển bền vững có mối quan hệ mật thiết với nhau: “Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội”[16].

Theo đó là sự cần thiết phải có những biện pháp và những chế tài xử phạt mạnh mẽ để ngăn chặn các hành vi hủy hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường; xử lý tốt đạt hiệu quả tối đa của mối quan hệ giữa sự gia tăng dân số nhanh, phát triển kinh tế và đô thị hóa với việc bảo vệ môi trường để bảo đảm phát triển bền vững. Đó là một nhiệm vụ nặng nề, đòi hỏi sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của các cấp, các ngành từ trung ương tới địa phương, các cơ quan nghiên cứu và cán bộ khoa học; và ý thức trách nhiệm của cả xã hội vì sự phát triển bền vững của nước ta.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Mặc dù, khi Ph. Ăngghen viết tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên” thì vấn nạn về môi trường sinh thái, tài nguyên thiên nhiên chưa nghiêm trọng như hiện nay, nhưng theo Ph. Ăngghen thì chúng ta nên có những biện pháp khắc phục và ngăn chặn tận gốc tình trạng trên tiếp diễn, để tránh những hiểm họa không thể lường trước được cho môi trường hiện nay. Ngược lại nếu chúng ta không khẩn trương ngăn chặn vấn nạn môi trường như trên thì hậu quả sẽ sẽ khó lường không những hiện nay mà còn cả mai sau nữa.

Qua phân tích những luận điểm của Ph. Ăngghen trong tác phẩm, ta thấy được sự cần thiết phải lưu ý về vấn đề môi trường sinh thái và tài nguyên thiên nhiên trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng.

CHƯƠNG 2**MỐI QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐẮK LẮK****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ -
XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK**

Tỉnh Đắk Lắk nằm ở vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 13.125,37 km². Đại bộ phận diện tích của tỉnh nằm ở phía Tây Nam dãy Trường Sơn, có hướng thấp dần từ Đông Nam sang Tây Bắc. Địa hình đa dạng, đồi núi xen kẽ bình nguyên và thung lũng.

Đắk Lắk có lợi thế về thổ nhưỡng để trồng cây công nghiệp, có tiềm năng về tài nguyên phục vụ cho việc phát triển của các ngành công nghiệp, xây dựng; có hệ thống giao thông tương đối tốt tạo thuận lợi cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa để phát triển thương mại, dịch vụ.

Phía Bắc, Đắk Lắk tiếp giáp với tỉnh Gia Lai, phía Nam tiếp giáp với tỉnh Lâm Đồng, phía Đông tiếp giáp với tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa, phía Tây tiếp giáp với tỉnh Đắk Nông và Vương quốc Cam Pu Chia. Vị trí địa lý này thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển kinh tế vùng biên và kinh tế đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế và khai thác những tiềm năng phát triển của nước bạn Campuchia.

Đắk Lắk nằm trên các trục giao thông quan trọng: có quốc lộ 14 xuyên qua trung tâm tỉnh đi về hai hướng qua Gia Lai và Đắk Nông, quốc lộ 26 đi từ thành phố Buôn Ma Thuột đến Nha Trang, quốc lộ 27 đi từ Buôn Ma Thuột đến Đà Lạt. Cùng với các đường quốc lộ còn có một hệ thống đường cấp tỉnh, cấp huyện, xã tạo nên mạng lưới giao thông quan trọng trong giao lưu Bắc - Nam, Đông - Tây vận tải quá cảnh và luân chuyển hàng hóa nội tỉnh.

Đắk Lắk nằm ở phía Tây Nam dãy Trường Sơn nên địa hình núi cao có 35% diện tích tự nhiên, tập trung ở phía Nam và Đông Nam của tỉnh với độ cao trung bình 1000 - 1200 m (so với mặt nước biển), trong đó có đỉnh Chư Yang Sin cao 2.442 m, Chư H'mu 2.051 m, Chư Dê 1.793 m, Chư Yang Pel 1.600 m.

Địa hình cao nguyên khá bằng phẳng nằm ở giữa tỉnh, chiếm 53% diện tích tự nhiên. Phần diện tích tự nhiên còn lại là vùng thấp, bao gồm những bình nguyên ở phía bắc tỉnh và ở phía nam thành phố Buôn Ma Thuột. Đáng chú ý là diện tích đất đỏ bazan rất lớn chiếm khoảng 1/3 diện tích tự nhiên, thích hợp cho việc phát triển cây công nghiệp lâu năm như cà phê, hồ tiêu, điều, cao su và cây ăn quả.

Diện tích của Đắk Lắk là 13.125,37 km², chiếm 3,9 % diện tích tự nhiên của cả nước Việt Nam. Trong đó đất ở chiếm 13.361,03 ha, đất nông nghiệp 478.154,7 ha, đất lâm nghiệp 602.479,94 ha, đất chuyên dùng 82.179,32 ha, đất chưa sử dụng 136.362,01 ha. Đây chính là quỹ đất còn lại để khai thác mở rộng sản xuất nông, lâm nghiệp.

Nhìn chung, đất đai của tỉnh Đắk Lắk đa dạng, thích hợp với nhiều loại cây trồng như: cây công nghiệp, cây nông nghiệp, cây lương thực ngắn và dài ngày, cây ăn quả...

Ở Đắk Lắk có mạng lưới sông suối khá dày với một số sông chính như sông Krông H'Năng, sông EaH'leo, sông SêRêPôk. Trong đó lớn nhất là dòng sông SêRêPôk bắt nguồn từ hai nhánh nhỏ là sông Krông Ana và sông Krông Nô. Dòng sông SêRêPôk có nhiều thác ghềnh hùng vĩ và hoang sơ như thác Trinh Nữ, thác Đray Sáp, thác Đray Nu, thác Gia Long, thác Bảy Nhánh... Đây là điều kiện rất thuận lợi để Đắk Lắk mở rộng và phát triển ngành du lịch. Hàng năm nơi đây đã thu hút khá nhiều du khách ở khắp mọi nơi kéo về. Mặt khác, một số thác có độ dốc lớn nên rất có lợi thế để xây

dựng các nhà máy thủy điện, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân trong tỉnh.

Ngoài việc khai thác tự nhiên, khả năng nuôi trồng thủy sản cũng có nhiều triển vọng bởi Đắk Lắk có một số hồ tự nhiên lớn như hồ Ea RBin, hồ Lắk (là hồ nước ngọt có diện tích tự nhiên lớn thứ hai Việt Nam); một số hồ lớn nhân tạo như hồ Buôn Triết, hồ Buôn Tría, hồ EaKao, hồ Ea Súp thượng, hồ Ea Súp hạ... Tuy là một tỉnh cao nguyên nhưng ở đây có khá nhiều hồ nước tự nhiên và hồ nhân tạo, một tiềm năng không nhỏ để phát triển nuôi trồng thủy sản.

Đắk Lắk là một bộ phận cấu thành chính thể thống nhất hữu cơ trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, là một vùng đất hội tụ của 44 dân tộc anh em cùng chung lưng đấu cật xây dựng quê hương xứ sở. Đắk Lắk cũng là nơi có truyền thống văn hóa phong phú, đa dạng, mang nhiều bản sắc của nhiều dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, Đắk Lắk có nền kinh tế - xã hội chậm phát triển, nông thôn và miền núi còn lạc hậu, tỷ lệ đói nghèo tương đối cao, nhiều tập quán lạc hậu nặng nề ảnh hưởng đến quá trình CNH, HĐH.

Từ những đặc điểm về tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa và con người Đắk Lắk cho thấy Đắk Lắk có những thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TỈNH ĐẮK LẮK

2.2.1. Những thành tựu đã đạt được

Việc nhận thức và quán triệt đúng đắn đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, các nghị quyết của Trung ương, từ đó vận dụng và cụ thể hóa

vào điều kiện và hoàn cảnh của tỉnh bằng các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh đã từng bước huy động được các nguồn lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Đắk Lắk. Đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn của Đảng đã trở thành một động lực mạnh mẽ thúc đẩy tính tích cực năng động sáng tạo của mỗi con người, mỗi gia đình, các thành phần kinh tế tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. “Với sự nỗ lực và quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã triển khai thực hiện nghị quyết; kinh tế - xã hội ổn định và phát triển, công tác xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị chuyển biến tích cực; quốc phòng - an ninh được giữ vững.

Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện” [40]. Cơ sở vật chất, kỹ thuật được tăng cường đã thúc đẩy sản xuất phát triển, đời sống và bộ mặt nông thôn Đắk Lắk có nhiều biến đổi tích cực. Tính đúng đắn của cơ chế thị trường định hướng XHCN ngày càng được khẳng định. Trên cơ sở đó, Đắk Lắk tập trung thực hiện các giải pháp để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, từng bước nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và từng sản phẩm. Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã khơi dậy nhiều nguồn lực, làm cho sản xuất kinh doanh năng động hơn, diện mạo của Đắk Lắk cũng biến đổi to lớn hơn. Cơ chế chính sách cụ thể đã góp phần giải quyết tốt hơn mối quan hệ lợi ích giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội, đã kích thích, động viên mọi cá nhân, mọi thành phần kinh tế phát huy ưu thế của mình góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nhờ có sự nỗ lực của toàn dân kinh tế Đắk Lắk tính đến năm 2013 (nhiệm kỳ của đại hội tỉnh Đảng bộ 2011 - 2015), Đắk Lắk đã đạt được những thành tựu đáng kể:

Theo Báo cáo của Ủy ban Tỉnh, năm 2012, mặc dù kinh tế cả nước gặp nhiều khó khăn, song tốc độ tăng trưởng GDP của Đắk Lắk vẫn đạt 9,37%, đưa GDP bình quân đầu người lên mức 25 triệu đồng/người/năm; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực. Tổng kim ngạch xuất khẩu 730 triệu USD đạt 104% kế hoạch.

Theo Báo Đắk Lắk Online ngày 26 tháng 11 năm 2013, tổng giá trị sản xuất của ngành nông – lâm - thủy sản trong năm 2012 ước đạt 14.434 tỷ đồng, tăng 6,41% so với năm trước. Trong sản xuất nông nghiệp, các loại cây trồng chủ lực đều vượt kế hoạch về diện tích, năng suất và sản lượng. Trong đó, tổng sản lượng lương thực cây có hạt ước đạt 1.078.448 tấn, tăng 40.448 tấn, đạt 104% so với kế hoạch. Sản lượng cà phê nhân ước đạt 465.000 tấn, tăng 33.000 tấn, đạt 108% kế hoạch. Các loại cây trồng khác như cao su, hồ tiêu, ca cao... đều tăng khá.

Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn trong năm qua ước đạt 4.937,7 tỷ đồng, tăng 11,4% so với năm 2011. Một số mặt hàng có mức tăng trưởng khá là khai thác penspat, đá ốp lát, cà phê bột, cà phê hòa tan... Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục ổn định với tổng mức lưu chuyển hàng hóa ước đạt 37.000 tỷ đồng, tăng 11,93% so với năm 2011 và tăng 8,82% so với kế hoạch. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội trong năm ước đạt 12.400 tỷ đồng, tăng 19,63% so với năm 2011. Hoạt động xuất khẩu tăng 4,29% so với kế hoạch với tổng kim ngạch thực hiện trong năm ước đạt 730 triệu USD. Tổng thu nhập bình quân đầu người trong năm qua theo giá thực tế ước khoảng 25,05 triệu đồng, tăng 11,37% so với năm 2011.

Trong năm qua Đắk Lắk đã thu hút được 37 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký 980 tỷ đồng; đã vận động được 7 dự án ODA với tổng vốn đầu tư 8,25 triệu USD; tiếp nhận 5 dự án do các bộ, ngành Trung ương chủ quản. Tỉnh cũng đã phê duyệt mới 11 khoản viện trợ NGO với tổng vốn 984.000 USD, tỷ lệ giải ngân các dự án NGO đạt khoảng 95%.

- Phát triển cơ sở hạ tầng:

+ Thủy lợi: tưới chủ động được 55% diện tích cây trồng.

+ Giao thông: Nhựa hóa đường tỉnh được 72,7%; đường huyện được 47%; đường xã được 20,4%. 100% xã có đường ô tô đến trung tâm, trong đó 151/180 xã, phường, thị trấn có đường nhựa đến trung tâm, đạt 83,9%.

+ Điện: có 71% thôn, buôn có điện, 89% số hộ được sử dụng điện. Mức tiêu thụ điện bình quân 314 kwh/người/năm.

+ Thông tin: 100% số xã có hệ thống thông tin thông suốt, 69 máy điện thoại/100 người dân và 13 thuê bao internet/100 người dân.

- Độ che phủ của rừng: ước đạt 46,09% diện tích tự nhiên.

- Thu ngân sách bình quân: Trong 3 năm (2010-2012) đạt 9,85% GDP/năm (GDP tính theo giá hiện hành).

- Quy mô dân số: 1.733.113 người. Dân số thuộc khu vực thành thị chiếm 22,2%, khu vực nông thôn chiếm 77,8%. Tốc độ tăng dân số tự nhiên năm 2012 là 1,55%. Trong 3 năm tỷ suất sinh hàng năm giảm bình quân được 0,54%.

- Y tế: Dự kiến hết năm 2012 có 56% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, 75% trạm y tế xã có bác sỹ, 50,5% trạm Y tế xã có đủ nhân lực và cơ sở hạ tầng đạt chuẩn quốc gia; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 28,8%.

- Giáo dục và đào tạo: Giáo dục và đào tạo ở Đắk Lắk có những chuyển biến tích cực trên một số mặt. Quy mô cấp học, ngành học phát triển ở tất cả

các vùng, nhất là trung học cơ sở và trung học phổ thông; mạng lưới trường lớp phân bố khắp các địa bàn, đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập cho mọi đối tượng học sinh. Đến nay tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đã đạt 23,38% và có đến 90,23% thôn buôn có trường hoặc lớp mẫu giáo. Đội ngũ giáo viên được chuẩn hoá mới đạt 95% ở bậc Mầm non, 96,4% bậc Tiểu học, 96,2% bậc Trung học cơ sở, riêng bậc Trung học phổ thông đã hoàn thành 100%; hoàn thành phổ cập trung học cơ sở mới đạt 10 huyện, thành phố; Chuyên nghiệp và dạy nghề có chuyển biến khá.

Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia (theo chuẩn mới) đến hết năm 2012 đã đạt 35,3%. Trong năm, toàn tỉnh đã tạo việc làm mới cho 25.500 lao động, tăng 1,3% so với năm 2011. Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động là 41%, trong đó qua đào tạo nghề là 33%. Công tác giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội được các địa phương tích cực triển khai thực hiện. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới ước giảm còn 15,02%, giảm 2,8% so với năm 2011.... Cùng với sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu của các vùng, các ngành kinh tế, để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, hoạt động đào tạo nghề ở Đắk Lắk đã và đang có sự chuyển biến từng bước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Văn hóa - thông tin - thể thao và du lịch: Có 72% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa các cấp; 22% xã, phường, thị trấn; 28,4% thôn, buôn, tổ dân phố; 57,3% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa; 95% số buôn có nhà sinh hoạt cộng đồng, còn thiếu 26 buôn; 80% thôn, buôn được quy hoạch đất để xây dựng hội trường, điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao. Cơ sở hạ tầng thông tin - truyền thông đã được đầu tư xây dựng đến các huyện, xã trong tỉnh. Đến nay tỷ lệ phủ sóng phát thanh được 100% và phủ sóng truyền hình được 97,8%; 97,2% xã có trạm truyền thanh.

- Nước sinh hoạt: tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở khu vực đô thị đạt 80%; khu vực nông thôn đạt 62%.

Ngoài các chỉ tiêu cơ bản nói trên còn phải kể đến một số đóng góp khác mà Đắk Lắk đạt được trong những năm vừa qua là:

Khoa học và công nghệ đã hướng trọng tâm vào việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ sinh học và kỹ thuật thâm canh, Tỉnh ủy xác định: “Tạo ra và ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng và có hiệu quả cao, đóng góp thiết thực vào chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển bền vững các cây, con chủ lực của tỉnh” [41]. Làm cho năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp ngày càng tăng. Người nông dân tích cực, phấn khởi hơn trong sản xuất. Do đó, đã góp phần thúc đẩy tính tích cực, năng động của con người Đắk Lắk phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn chung, nguồn lực trong nông nghiệp, nông thôn được khai thác và sử dụng bước đầu có hiệu quả, tài nguyên, đất đai, ao hồ, đồi núi đã được đưa vào sử dụng nhiều hơn. Nông nghiệp và nông thôn phát triển khá, nhất là sản xuất cà phê, cao su, hồ tiêu, cây lương thực, cây ăn quả... đã góp phần ổn định và cải thiện đời sống nhân dân trong tỉnh. Đường lối đó đã đem lại những cơ hội và khả năng thực tế cho người dân lao động phát huy tiềm năng sáng tạo của mình thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Sự tăng trưởng kinh tế của Đắk Lắk trong thời gian qua đã phản ánh những thành tựu đạt được rất đáng kể. Tuy kinh tế có bước phát triển mới nhưng chưa thực sự vững chắc, đến nay Đắk Lắk vẫn là một tỉnh nghèo. Khả năng phát huy tiềm năng của tỉnh vẫn còn yếu kém; chưa tạo được những điều kiện thúc đẩy quá trình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao. Vì vậy: “Tăng

trường kinh tế chưa đạt mục tiêu kế hoạch, thiếu tính bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh” [43].

Trên đây là sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tích cực của tỉnh trong thời gian qua. Tuy nhiên để đạt được những thành tựu trên thì bên cạnh đó tỉnh Đắk Lắk cũng phải đối mặt với nhiều vấn nạn nghiêm trọng về môi trường tự nhiên.

2.2.2. Một số thiếu sót, bất cập

- Về dân số

Theo Sờ Lao động - thương binh và xã hội, hiện nay dân số tỉnh Đắk Lắk là 1.733.113 người; trong đó, lao động thành thị có 381.238 người, chiếm 22%; lao động nông thôn có 1.351.662 người, chiếm 78%; nữ chiếm 49,45%; nam chiếm 50,55%.

Hiện nay, Đắk Lắk có lực lượng lao động chiếm 45,75% tổng dân số; Toàn tỉnh đã tạo việc làm mới cho 25.500 lao động, tăng 1,3% so với năm 2011. Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động là 41%, trong đó qua đào tạo nghề là 33%.

Sự gia tăng dân số ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng dân cư, mật độ dân cư và tác động mạnh mẽ đến tất cả các mặt trong đời sống con người. Sự gia tăng dân số quá nhanh so với điều kiện kinh tế - xã hội đều có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của xã hội. Dân số tăng quá nhanh sẽ dẫn đến những khó khăn về lương thực, nhà ở, y tế, giáo dục,... và sẽ dẫn đến hiện tượng di dân tự phát từ vùng này sang vùng khác ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội...

Sự gia tăng dân số quá nhanh đã làm suy giảm môi trường ở đây một cách nghiêm trọng, đó là sự mất đi tính đa dạng sinh học, tài nguyên đất bị phá hủy, thúc đẩy một bộ phận dân cư duy trì tình trạng du canh, du cư. Nhiều

tài nguyên quý giá của vùng bị khai thác quá mức hoặc vô tổ chức đã gây nên những hậu quả khôn lường về môi trường, làm gia tăng úng lụt, hạn hán cho cư dân vùng đồng bằng.

Áp lực dân số lên nhu cầu cần có đất canh tác để sản xuất lương thực luôn là nguyên nhân chính của những vụ phá rừng.

Giải quyết tối ưu về vấn đề dân số trước hết là nhiệm vụ của mỗi địa phương nhưng nó lại mang tính quốc gia và tính toàn cầu. Nó đòi hỏi phải xác định được và giữ được tỷ lệ gia tăng dân số hợp lý trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện môi trường tự nhiên. Mặt khác, bên cạnh việc giữ được tỷ lệ gia tăng dân số hợp lý phải có chính sách bố trí dân cư hợp lý và đặc biệt là phải tăng cường chất lượng dân cư để đảm bảo sự phát triển hài hòa, lâu bền của cả tự nhiên và xã hội ở Đắk Lắk hiện nay.

- Về lâm nghiệp

Song song với vấn nạn về dân số thì Đắk Lắk cũng đang đối mặt với thực trạng nghiêm trọng đó là việc tàn phá rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ.

Đắk Lắk có diện tích rừng 602.479,94 ha, đất chuyên dùng 82.179,32 ha, đất chưa sử dụng 136.362,01 ha (năm 2007). Độ che phủ: 46,62%. Và hàng năm Đắk Lắk lại bị chặt phá khoảng trên 369 ha rừng.

Theo số liệu thống kê, năm 1943, nước ta có 14,3 triệu ha rừng với khoảng 43% diện tích lãnh thổ được che phủ bởi rừng tự nhiên thì đến năm 2000 diện tích rừng chỉ còn khoảng 9,4 triệu ha và độ che phủ chỉ còn 28,8% trong khi mức an toàn sinh thái tối thiểu đối với một quốc gia nhiệt đới như Việt Nam là trên 30%. Ở Đắk Lắk di dân cơ học trong 20 năm qua tăng trung bình 5,6%/năm. Dân số tăng quá nhanh, để đáp ứng nhu cầu của kinh tế xã hội nên rừng đã bị tàn phá rất nghiêm trọng. Từ 1999-2006 có trên 20 nghìn ha rừng bị tàn phá.

Hiện nay, diện tích rừng tự nhiên tiếp tục bị thu hẹp, thảm thực vật mỏng dần đang đe dọa đến môi trường và cuộc sống con người. Trong những năm qua, địa phương đã có những cố gắng trong công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển vốn rừng, nhưng tốc độ phủ xanh đất trống đồi núi trọc không theo kịp tốc độ phá rừng tự nhiên, nên độ che phủ bị suy giảm ngày càng tăng.

Đặc biệt, đối với các địa bàn có làn sóng dân di cư từ nơi khác đến nhanh như Ea H'leo, Ea Kar, Krông Bông, Buôn Đôn, Krông Buk, Krông Năng, Buôn Đôn và Ea Súp có mức độ phá rừng rất cao, làm cho diện tích rừng giảm đáng kể, tài nguyên rừng bị suy kiệt, tính đa dạng sinh học suy giảm nhanh.

Trước đây, hầu hết các địa bàn trong tỉnh có nhiều cánh rừng nguyên sinh, những khu rừng rậm rất phong phú và giàu có các tài nguyên loại động thực vật. Do khai thác rừng quá mức, cộng với làn sóng dân di cư đến phá rừng làm nương rẫy, phát triển các loại cây công nghiệp cà phê, cao su, cây điều... đã nhanh chóng làm diện tích rừng thu hẹp.

Tác động nhiều mặt của con người đã dẫn đến chất lượng và tính chất rừng đã thay đổi đáng kể, nhiều loài động thực vật mất dần số lượng và nguồn gen, trong đó có những loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng. Cây thủy tùng là loài thực vật nguyên thủy được ghi vào sách đỏ thế giới chỉ có rất ít tại xã Ea Hồ huyện Krông Năng và xã Ea Ral huyện Ea H'leo. Do sản xuất nông nghiệp và xây dựng các công trình thủy lợi, nên thủy tùng đã biến mất khỏi xã Ea Hồ.

Trước đây, những khu rừng ở hầu hết các huyện có khá nhiều loài gỗ quý như cẩm lai, giáng hương, trắc, cà te, gụ mật... cùng với nhiều dược liệu quý với trữ lượng lớn. Nhưng nay những loại cây này đã cạn kiệt đến mức

đáng lo ngại, trong đó có một số loài thực vật quý đang có nguy cơ mất nguồn gen.

Một số loài dược liệu quý như vàng đắng, mã tiền, ngũ gia bì chân chim, sa nhân bị khai thác mang tính hủy diệt nên khó có thể tái sinh được ở nhiều khu rừng. Hầu hết các loài động vật trước đây có số lượng lớn, trong đó có cả loài quý hiếm được ghi vào danh sách quản lý và bảo vệ của thế giới, nay đã giảm số lượng đáng kể. Nhiều loài động vật như voi, bò tót, bò rừng, hươu nai, cùng với các loài chim quý như công, trĩ sao, gà lôi, gà tiền... đã giảm số lượng đến mức cạn kiệt.

Trong đó, có loài bò xám là động vật cực kỳ quý hiếm nay đã bị tuyệt chủng. Nai cà tong là động vật rất quý trước đây có số lượng khá nhiều ở một số khu rừng, nay chỉ còn tồn tại số lượng rất ít ỏi trong Vườn quốc gia Yor Đôn. Loại hươu đầm lầy có vài cá thể ở khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô (huyện Ea Kar), nhưng nay cũng biến mất.

Diện tích rừng thu hẹp, độ che phủ rừng và thảm thực vật thay đổi đã ảnh hưởng đến đời sống các loài động vật. Mất dần môi trường sinh sống, nhiều loài động vật đã di cư đến nơi khác.

Cách đây 30 - 35 năm voi rừng có khá phổ biến ở huyện M'Đrăc, Ea Kar, Lắk, Krông Bông, Ea H'leo, Krông Năng nay đã hoàn toàn biến khỏi những vùng này. Loại hổ trước đây có khá phổ biến ở nhiều khu rừng ở trong tỉnh, nay hầu như không còn thấy trong các khu bảo tồn thiên nhiên. Hiện nay, các loại động vật quý hiếm vẫn đang nguy cơ bị giảm số lượng và có thể bị tuyệt chủng trong thời gian không xa.

Ngoài ra, việc phá rừng đầu nguồn, trong đó có cả những khu vực vườn quốc gia, khu bảo tồn, để xây các công trình của nhà máy thủy điện đã làm mất rất nhiều diện tích rừng, mất đi tính đa dạng sinh học trong khu vực,

trong khi việc trồng bù rừng lại không được thực hiện đầy đủ vì hầu hết các công trình đã không bố trí được hoặc bố trí không đủ quỹ đất trồng rừng nhằm bù lại diện tích rừng đã mất.

Trước đây các đối tượng khai thác trái phép khó mà xâm nhập được vào các rừng đầu nguồn vì địa hình hiểm trở, nhưng sau khi có các con đường công vụ thì công thủy điện tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển gỗ trái phép khiến cho tình hình khai thác gỗ trái phép diễn ra phức tạp. Mất rừng do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ở các tỉnh Tây Nguyên quy hoạch rất nhiều diện tích dành cho trồng cây nguyên liệu, cao su, cà phê ở các vùng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, đặc dụng, dẫn đến rất nhiều diện tích rừng nguyên sinh bị tàn phá ...

Bên cạnh đó, việc xả nước không thường xuyên không đảm bảo dòng chảy tối thiểu cho khu vực hạ du đã khiến cho các hệ sinh thái nước và ven sông ở khu vực sau đập thủy điện bị suy giảm. Các đập ngăn dòng, không có kênh dẫn cho các loài cá di cư đã làm giảm tính đa dạng sinh học trong vùng, đặc biệt là những loài quý hiếm hoặc đặc hữu có tính thương phẩm cao làm giảm thu nhập của người dân trong vùng.

Do rừng bị tàn phá quá mức nên mất cả thảm thực vật ở trên đó; các loài động vật không còn nơi sinh sống buộc chúng phải di chuyển đi nơi khác. Hơn nữa tình trạng săn bắt không kiểm soát được đã làm cho nhiều loại động vật giảm đi, có loài bị tuyệt chủng. Sự đa dạng sinh học cũng bị giảm đi nhiều, sự cân bằng sinh thái bị phá vỡ nghiêm trọng. Rừng đầu nguồn giảm nên nguồn nước phục vụ cho trồng trọt thậm chí cả nguồn nước sinh hoạt cũng trở nên khan hiếm ở nhiều nơi. Khi người ta phá rừng, khai hoang để lấy đất canh tác, tăng thêm nguồn lương thực thì không ai nghĩ rằng khi phá rừng họ đã tạo ra nguồn gốc của hiểm họa về sau là hủy hoại các trung tâm chứa

nước và giữ nước, gây nên lụt lội, hạn hán. Diện tích rừng ngày càng thu hẹp đã dẫn đến nguy cơ lớn là xói mòn đất và sa mạc hóa.

Với thực trạng rừng bị suy thoái, môi trường sinh thái tiếp tục biến đổi đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự đa dạng sinh học ở Đắc Lắc nói riêng và cả vùng Tây Nguyên nói chung. Đó là những yếu tố đang tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế bền vững và cuộc sống con người đang sinh sống trên vùng cao nguyên này.

- Về nông nghiệp

Bên cạnh đó, môi trường đất đang đối mặt với ô nhiễm nghiêm trọng. Môi trường đất là nơi trú ngụ của con người và hầu hết các sinh vật cạn, là nền móng xây dựng cho các công trình dân dụng, công nghiệp, văn hóa của con người. Đất còn là nguồn tài nguyên quý giá là tư liệu sản xuất đặc biệt, con người sử dụng nó để sản xuất ra lương thực, thực phẩm cung cấp cho bản thân và cộng đồng. Song với nhịp độ gia tăng dân số và tốc độ phát triển công nghiệp, đô thị hóa gia tăng như hiện nay thì không chỉ diện tích đất canh tác bị thu hẹp mà chất lượng đất ngày càng bị suy thoái. Các nguồn gây ô nhiễm và suy thoái môi trường đất chủ yếu là do nông dược, phân hóa học tích lũy dần trong đất qua các mùa vụ, ngoài ra còn do các chất thải do các hoạt động của con người (nước thải, khí thải, chất thải rắn). Mặt khác, đất cũng là một thành phần môi trường nên nó tiếp nhận những chất ô nhiễm khác ở mọi lúc, mọi nơi.

Việc sử dụng hoá chất trong chăm sóc, bảo quản nông sản là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Ngày càng có nhiều loại thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), kích thích tăng trưởng được sử dụng trên đồng ruộng. Rất nhiều loại trong số đó có nguồn gốc xuất xứ, thành phần hoá học phức tạp, không ít loại có độ độc hại cao, khả năng lưu giữ

trong môi trường lâu. Sử dụng các loại hoá chất trên lâu dài sẽ làm cho môi trường đất, nước bị ô nhiễm.

Hoá chất sử dụng ngày càng nhiều nhưng các biện pháp làm sạch môi trường canh tác, diệt trừ mầm bệnh trước khi bước vào vụ sản xuất mới lại ít được người dân quan tâm, do vậy lượng hoá chất BVTV còn đọng lại trong đất khá lớn.

Trên thực tế, khi bón đạm urê, cây trồng chỉ sử dụng được 40 - 60%, phần còn lại nằm trong đất và gây ô nhiễm. Việc bón thúc đạm sẽ làm cho hàm lượng nitrat tích lũy trên mặt đất và giảm chất lượng nước. Đặc biệt, hiện nay, hàm lượng nitrat tồn dư trong các loại rau khá cao, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng. Nguyên nhân là do người trồng sử dụng không hợp lý liều lượng và tỷ lệ phân đạm vô cơ và hữu cơ bón cho cây, phương thức bón không đúng do chạy theo lợi nhuận.

Hiện tượng thừa đạm sẽ làm cho các bộ phận của cây, nhất là cơ quan sinh trưởng phát triển mạnh, tạo thêm nguồn thức ăn cho nhiều loài vi sinh vật gây hại. Đạm thừa làm cho vỏ tế bào cây trở nên mỏng, tạo điều kiện dễ dàng cho một số loài vi sinh vật gây bệnh xâm nhập, kích thích một số loài vi sinh vật trong đất xâm nhập vào rễ và gây hại cho cây. Người và gia súc dùng sản phẩm chứa các kim loại này lâu ngày sẽ bị nhiễm độc.

Chăn nuôi trong khu dân cư cũng là nguồn phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường. Những năm gần đây, nhiều gia đình ở nông thôn đã mạnh dạn đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi quy mô lớn. Một số nơi đã xây dựng hầm biogas để xử lý chất thải chăn nuôi nhưng vẫn nạn ô nhiễm vẫn chưa được xử lý triệt để.

Ngoài ra, việc phát triển các nghề thủ công truyền thống như làm bún, làm đậu... tuy đem lại thu nhập khá cho người dân, giải quyết việc làm cho

hiều lao động nhưng cũng là một trong những tác nhân gây ô nhiễm. Phần lớn các cơ sở sản xuất bằng phương thức thủ công, nhỏ lẻ, lượng chất thải nhiều, trong khi việc thu gom, tái sử dụng ít được thực hiện.

Theo thống kê, mỗi năm khu vực nông thôn Đăk Lăk phát sinh hàng triệu tấn rác thải sinh hoạt, nước thải và vỏ bao thuốc BVTV, hầu hết đều xả thải trực tiếp ra môi trường xung quanh; trang trại chăn nuôi thải ra hàng chục triệu tấn chất thải các loại vào môi trường đất, nước và không khí. Bên cạnh đó còn có nhiều nhà máy chế biến nông, lâm sản thải ra một khối lượng khí lỏng và chất thải rắn khổng lồ.

Hiện nay, phần lớn các chất thải sinh hoạt không được phân loại tại nguồn, vứt bừa bãi ra môi trường. Lượng rác tồn đọng tại các kênh, mương khá lớn và phổ biến, dẫn đến ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư, gia tăng gánh nặng bệnh tật.

- Về công nghiệp

Phát triển công nghiệp trong những năm qua của tỉnh có chuyển biến tích cực, nhưng rõ ràng rằng hoạt động này cũng đã và đang gây thêm sức ép lên môi trường.

Ngoài các khu công nghiệp thuộc khu kinh tế thương mại thì sự phát triển công nghiệp của tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Nhiều nhà máy, công ty, cơ sở dịch vụ đã và đang được xây dựng, phát triển, tạo việc làm đáng kể cho người lao động, thực hiện thắng lợi chiến lược xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, mặt trái của hoạt động này còn nhiều bất cập và thiếu sự đồng bộ. Hầu hết các cơ sở sản xuất và kinh doanh tập trung vào việc đầu tư cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực kinh doanh, mà chưa quan tâm thích đáng đến công tác bảo vệ môi trường, xử lý các chất thải (khí

thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung...), gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường.

Đáng lưu ý là trong thời gian qua, công tác quy hoạch và phát triển cơ sở hạ tầng cho hoạt động sản xuất công nghiệp không được đầu tư kịp thời với quá trình phát triển công nghiệp của tỉnh. Nhiều cơ sở sản xuất có khả năng gây ô nhiễm môi trường trước đây nằm ở vị trí xa các khu dân cư, nhưng nay đã nằm xen kẽ và rất gần khu dân cư, nên nguy cơ tác động đến sức khỏe cộng đồng ngày càng gia tăng. Đặc biệt, một số cơ sở sản xuất và chế biến cà phê, cao su... nằm ở đầu nguồn các sông, suối, nên nguy cơ gây ô nhiễm các nguồn nước mặt cũng rất đáng lo ngại.

Ngành nghề công nghiệp trên địa bàn tỉnh rất đa dạng và phong phú, điển hình như chế biến nông sản thực phẩm, nuôi trồng thủy sản và khai thác khoáng sản. Các sản phẩm tạo ra của các loại ngành nghề trên phải tiêu thụ nhiều nguyên, nhiên liệu và tiêu tốn năng lượng. Năng lượng của quá trình sản xuất là xăng, dầu (DO và FO), than... và thường gây ô nhiễm môi trường không khí cục bộ và phát thải khí nhà kính.

Về môi trường nước, những đầu tư về xử lý nước thải công nghiệp nói chung và công nghiệp chế biến nói riêng ở Đắk Lắk còn rất hạn chế. Đến nay mới chỉ có một số cơ sở chế biến có hệ thống xử lý nước thải như các cơ sở chế biến tinh bột sắn, cơ sở chế biến cà phê, cao su... Tuy vậy, hiệu quả xử lý nước thải vẫn còn nhiều khó khăn trong khâu kiểm soát quy trình công nghệ, chẳng hạn do lưu lượng và đặc điểm nước thải không ổn định, kinh nghiệm giám sát liên tục hệ thống còn yếu kém... Các hệ thống xử lý nước thải hiện tại chủ yếu là các hệ thống xử lý kết hợp lắng trọng lực với hồ sinh học ổn định nước thải, và phần lớn là điều khiển hoạt động thủ công nên hiệu quả xử lý rất khó duy trì ổn định, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết và khả năng

giám sát hệ thống.

- Về y tế

Cùng với sự gia tăng dân số nhanh kéo theo những dịch vụ kèm theo như: y tế, giáo dục, giải trí... Nhưng vấn đề nổi bật ở đây chính là sự quá tải trong ngành y tế, mà đặc biệt là rác thải y tế.

Rác thải y tế, theo quy định phải được phân loại thành 5 nhóm: rác thải lây nhiễm; các vật sắc nhọn; rác thải từ phòng thí nghiệm; rác từ dược phẩm; rác thải bệnh phẩm. Cùng với việc phân loại, mỗi loại rác thải khác nhau cần phải có quy trình xử lý đúng cách để hạn chế tối thiểu những tác động đến môi trường. Tuy nhiên, do chưa được đầu tư những hệ thống xử lý đạt chuẩn nên còn rất nhiều bệnh viện, cơ sở y tế vi phạm quy định về xử lý rác thải.

Các cơ sở y tế cần được trang bị hệ thống xử lý nước thải và rác thải.

Về vấn đề xử lý nước thải y tế hiện có 65,3% các bệnh viện có hệ thống xử lý; hệ dự phòng mới chỉ có 15% được trang bị; 50% cơ sở sản xuất thuốc có hệ thống xử lý nước thải. Số cơ sở y tế còn lại đang xả thẳng nguồn nước mang mầm bệnh chưa qua xử lý vào môi trường. Nước thải từ các bệnh viện chưa qua xử lý là vấn đề gây bức xúc cho người dân vì nó gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước mặt. Rác thải được chôn lấp, nước xả ra môi trường sẽ thấm thấu, lâu ngày có thể ảnh hưởng đến mạch nước ngầm được con người sử dụng trong sinh hoạt thường ngày.

Nước thải từ bệnh viện mang theo nhiều loại vi rút nguy hại như tụ cầu vàng, trực khuẩn mủ xanh, êcoli cùng nhiều loại vi khuẩn, nấm, ký sinh trùng, vi rút bại liệt... có khả năng xâm nhập các loại thủy sản, vật nuôi, rau thủy canh. Bệnh tật sẽ tấn công con người khi ăn phải các thực phẩm mang mầm bệnh. Trên thực tế, môi trường ô nhiễm trong đó có sự “tiếp tay” của chất thải y tế đang tăng nguy cơ ung thư và các bệnh hiểm nghèo cho con người.

Thực tế Đắc Lắc đang phải đối mặt với nhiều thách thức suy thoái về môi trường. Vì vậy, bảo vệ môi trường cần được gắn với trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân và mọi người dân theo nguyên tắc “mình vì mọi người, mọi người vì mình”. Để phát triển kinh tế bền vững phải giải quyết hàng loạt mâu thuẫn giữa lợi ích trước mắt, lâu dài và đặt trong tổng thể, gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường.

2.3. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN THỰC TRẠNG TRÊN

Từ thực trạng trên ta có thể khái quát rằng nền kinh tế của tỉnh đã có những bước chuyển biến tiến bộ, tích cực nhưng nhìn chung nó còn khá nhỏ so với tiềm năng vốn có của tỉnh. Qua đó ta cũng có thể rút ra các nguyên nhân cơ bản sau:

2.3.1. Nguyên nhân khách quan

Giá các loại nông sản xuống thấp và diễn ra trong một thời gian khá dài (nhất là giá của cà phê), lũ lụt, hạn hán đã tác động trực tiếp lên đời sống sinh hoạt của người dân. Nhiều địa phương kinh tế gặp khó khăn nên dẫn đến tình trạng tốc độ tăng trưởng kinh tế phát triển chậm. Ngoài ra còn do giá trị cây công nghiệp thấp nên người dân chuyển đổi một số lớn diện tích sang cây trồng khác và kỹ thuật canh tác chưa hợp lý. Dẫn đến tốc độ xói mòn ở đất ngày càng cao.

Tình hình an ninh chính trị diễn biến hết sức phức tạp, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá cách mạng nước ta bằng âm mưu “diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ. Vì vậy đã ảnh hưởng trực tiếp và chi phối sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban thường vụ và cấp uỷ trên các lĩnh vực.

2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Việc kinh tế phát triển còn chậm là do chưa thực hiện vấn đề liên kết giữa nhà nông, nhà kinh doanh, nhà khoa học, nhà nước trong việc chuyển

giao khoa học công nghệ hiện đại và tiêu thụ sản phẩm. Chưa chủ động tích cực trong lãnh đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở cơ sở.

Chất lượng hoạt động hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, còn nhiều hạn chế. Năng lực tổ chức lãnh đạo của một số cấp uỷ, của chính quyền ở cơ sở yếu kém kéo dài dẫn đến việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị chưa cao. Thực hiện các chính sách giải quyết đất sản xuất, nhà ở cho người dân gặp nhiều khó khăn và vướng mắc nhất là quỹ đất sản xuất.

Ngoài ra trong nông nghiệp còn có sự mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi. Trong đó chăn nuôi phát triển chậm hơn so với trồng trọt là do: đối tượng chăn nuôi (gia súc, gia cầm) có đời sống khá phức tạp. Nó đòi hỏi một sự hiểu biết nhất định, một sự chăm sóc thường xuyên, đều đặn. Tính bền bỉ và chịu khó trở thành một thói quen, thành tập quán sinh hoạt, sản xuất; do người dân còn thiếu vốn, thiếu kỹ thuật, kinh nghiệm nên việc chăn nuôi kết hợp với bảo vệ môi trường chưa thể phát triển mạnh được.

Trình độ cơ sở vật chất, kỹ thuật và kết cấu hạ tầng thấp kém là do điều kiện địa hình khí hậu cùng với trình độ dân trí chưa cao và thiếu vốn nên trình độ cơ sở vật chất rất lạc hậu. Đây là khó khăn lớn đối với tỉnh Đắk Lắk nói riêng và các tỉnh Tây nguyên nói chung. Bên cạnh đó kết cấu hạ tầng, đường xá giao thông vận tải, thủy lợi, bưu chính viễn thông, giống cây trồng vật nuôi còn kém phát triển nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

Thiếu vốn để mua sắm, vật tư trang thiết bị cho sản xuất, kể cả các công cụ thông thường (máy cắt cỏ, máy xay sát...), thiếu điều kiện để thâm canh tăng vụ, áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất, làm cho các hộ gia đình chưa phát huy được tiềm năng năng lực tự chủ để trở thành đơn vị sản xuất hàng hoá.

Nguồn lao động là yếu tố hàng đầu của mọi quá trình sản xuất. Nhất là đối với nền kinh tế chưa thực sự phát triển như Đăk Lăk thì lao động chính là nhân tố quyết định đến kết quả của sản xuất. Về chất lượng thì người lao động đã có những hiểu biết về kỹ thuật canh tác như: về giống mới, phân bón, tưới tiêu, phòng trừ sâu bệnh... số lao động sử dụng máy móc ngày càng nhiều, như vậy điều đó cũng khẳng định được rằng người dân cũng đủ khả năng tiếp nhận kỹ thuật mới, nhưng vẫn còn hạn chế về mặt sinh thái.

Sự chênh lệch giữa giàu và nghèo cũng có những nguyên nhân sau:

+ Đất đai xấu, thiếu nước, địa hình phức tạp cơ sở hạ tầng kém, tập quán sản xuất lạc hậu.

+ Địa hình và điều kiện lao động sinh sống giữa các vùng khác nhau rất nhiều.

+ Sự thiếu vắng của kinh tế nhà nước và vai trò điều hành của tổ chức kinh tế tập thể còn non yếu, chưa tổ chức được các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho hộ gia đình.

+ Những khó khăn từ thị trường, giá cả, khoa học kỹ thuật và sự hỗ trợ của Nhà nước đối với các vùng khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế và môi trường tự nhiên ở đây.

Qua phân tích cơ cấu sử dụng đất, cơ cấu dân cư, cơ cấu lao động và cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành, chúng ta đi đến những nhận xét chung sau đây:

Nền kinh tế của tỉnh Đăk Lăk vẫn là nền kinh tế nông nghiệp nhưng đang từng bước phát triển và chuyển dịch theo chiều hướng tích cực, sản xuất hàng hoá ngày càng gắn bó với thị trường.

Tuy nhiên, nền kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế, kinh tế hàng hoá thì chủ yếu là hàng hoá giản đơn.

Về kinh tế nông nghiệp thì đã từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá, gắn với thị trường. Cơ cấu cây trồng vật nuôi đã chuyển đổi theo hướng đa dạng, phù hợp với điều kiện canh tác và thổ nhưỡng của từng vùng. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được ứng dụng vào sản xuất, nâng cao được sản lượng, năng suất và giá trị sản xuất. Đã hình thành và củng cố các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, hồ tiêu, điều... góp phần đa dạng hoá cây trồng và tăng thu nhập cho nhân dân.

Riêng chăn nuôi cũng có phát triển một bước theo hướng công nghiệp và quy mô hơn. Đã hình thành và phát triển nhiều trang trại chăn nuôi: heo, gà, bò... góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân, tăng sản lượng một số sản phẩm cung cấp cho thị trường. Còn về sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có tốc độ tăng trưởng khá, quy mô và năng lực sản xuất được nâng lên, một số doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng nhà máy chế biến cà phê, phân vi sinh, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, cung cấp một phần nhu cầu phân bón cho thị trường và thúc đẩy quá trình cơ giới hoá nông nghiệp.

Tuy nhiên, vấn đề phát triển sử dụng đất, nguồn nước sao cho thiên thiện với môi trường sinh thái thì chưa được chú trọng.

Trong thương mại và dịch vụ thì chưa chú trọng phát triển ngành du lịch, Đắk Lắk có thể mạnh về du lịch sinh thái và văn hoá nhưng đến nay chưa có ngành du lịch, một tiềm năng to lớn chưa được đầu tư khai thác. Hiện nay, một trong những khó khăn lớn nhất của Đắk Lắk là thiếu vốn. Nguồn vốn bên trong còn rất nhỏ, chưa thu hút được vốn bên ngoài, nhất là vốn nước ngoài.

Đến nay huyện vẫn chưa có một doanh nghiệp nước ngoài vào đầu tư, đó là do Đắc Lắc chưa tạo ra được môi trường thuận lợi thông thoáng để kích thích đầu tư từ bên ngoài, nói cách khác chỉ số đo năng lực cạnh tranh của tỉnh còn rất thấp, cần phải tháo gỡ những vướng mắc có những chính sách ưu đãi thoả đáng để kêu gọi, thu hút đầu tư. Có như vậy mới thúc đẩy nhanh chóng tăng trưởng kinh tế và thực hiện mục tiêu công.

Quá trình nâng cao trình độ dân trí cho người dân trên địa bàn tỉnh. Mọi sự biến đổi và phát triển đều gắn với nhân tố con người. C. Mác đánh giá người lao động là yếu tố chủ thể của lực lượng sản xuất. Lênin coi người lao động là lực lượng thứ nhất của nhân loại. Đảng ta coi con người là nhân tố của mọi sự biến đổi và phát triển. Tất nhiên, nói đến lao động ngoài số lượng ra còn phải nhấn mạnh đến chất lượng lao động của họ, nhất là dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, lấy “lao động trí tuệ” làm đặc trưng.

Do nhiều nguyên nhân dẫn đến trình độ dân trí chưa cao của người dân các vùng ở đây, chính điều này đã và đang cản trở việc phát triển kinh tế. Việc nâng cao dân trí cho người dân ở đây là một vấn đề bức xúc hiện nay và là quá trình có tính quy luật trong công cuộc hiện nay. Và là điều cần thiết để việc đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

Ph. Ăngghen cho rằng “trong giới tự nhiên, không có gì xảy ra một cách đơn độc cả. Hiện tượng này tác động lên hiện tượng khác và ngược lại” [20, tr. 652]. Vì lẽ đó Ph. Ăngghen đã lưu ý rằng:

“chúng ta cũng không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta kết quả mà chúng ta hằng

mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, thứ ba thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được, những tác dụng thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên của nó”[20, tr. 654].

Trong những năm gần đây, những thảm họa môi trường diễn ra liên tục ở Đắc Lắc nói riêng và ở Việt Nam nói chung đã và đang chứng minh lời cảnh báo của này của Ph. Ăngghen là đúng đắn.

Trước hết, nói về tự nhiên, trong mối quan hệ với con người, tự nhiên vừa là nhà ở, vừa là công xưởng, vừa là phòng thí nghiệm, là bãi chứa chất thải khổng lồ của xã hội. Nói cách khác, tự nhiên đó là điều kiện đầu tiên, thường xuyên và tất yếu trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất, là một trong những yếu tố cơ bản của những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội. Nó là tiền đề, là yêu cầu của sự tồn tại và phát triển của xã hội. Vì lẽ ấy, tự nhiên có thể tác động thuận lợi, tạo cơ sở thúc đẩy hoặc làm cản trở sản xuất xã hội làm chậm nhịp độ phát triển của xã hội.

Cán cân sinh thái giữa con người với thiên nhiên đã lệch tới mức làm cho giới tự nhiên dần mất đi khả năng tự phục hồi. Ở khắp nơi, một khi bàn tay của con người đã vô tình hay cố ý phá hủy một lĩnh vực nào đó của tự nhiên, thì ở đó cơ may phục sinh nó là cực kỳ nhỏ bé ngay cả khi con người thật sự phục hồi nó. Nguy cơ này đòi hỏi con người phải lưu tâm hơn nữa đến các quy luật phát triển sao cho sự phát triển của con người có thể vẫn không làm tổn hại đến giới tự nhiên, mà ngược lại làm giàu cho tự nhiên theo hướng con người hài hòa với tự nhiên. Việc nắm các quy luật tự nhiên, sự phát triển của nhu cầu ngày càng kích thích thêm những hoạt động định hướng của con người nhằm chinh phục chế ngự các thế lực, các hiện tượng tự nhiên, bắt chúng phục vụ cho con người.

Trong xã hội ngày nay, vì đáp ứng nhu cầu cho con người tồn tại con người đã bất chấp các quy luật của tự nhiên, phá vỡ và hủy diệt sự phát triển bình thường của chúng. Hiện nay, chúng ta lại thấy điều này trên một mức độ ghê gớm và tinh vi hơn nhiều: khí thải công nghiệp, giao thông, hiệu ứng nhà kính, gia tăng lỗ thủng ở tầng ôzôn, bệnh dịch, thiên tai, tài nguyên cạn kiệt... Chính nhu cầu của con người đã tối đa hóa lợi nhuận, đây là nguyên nhân chủ yếu gây nên hiểm họa môi trường. Ngày nay, việc sử dụng không hợp lý những thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ ở một số nước cũng làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa con người và tự nhiên. Khách quan mà nói, điều đó một phần là do kỹ thuật và công nghệ chưa hoàn thiện, nhưng yếu tố cơ bản vẫn là sự điều tiết vĩ mô của chế độ xã hội với những quan điểm chi đạo về phát triển.

Chúng ta có thể thấy những hậu quả mà con người gây ra đối với tự nhiên xuất phát từ nhiều yếu tố trong đó có yếu tố nhận thức và cả yếu tố chính trị xã hội. Việc giải quyết những hậu quả mà con người gây ra đối với môi trường chỉ dừng lại ở nhận thức thôi chưa đủ mà vấn đề là hành động thực tế. Cần phải nghiên cứu và có những biện pháp thực tế để ngăn chặn những hiểm họa đó. Tuy nhiên, vấn đề về môi trường vẫn là một vấn đề bức xúc nhất cần được quan tâm nhiều hơn từ các quốc gia và từ mỗi cá nhân. Vì vậy, những tư tưởng cơ bản trên đây của C. Mác và Ph. Ăngghen là cơ sở cho nhận thức và hành động thực tiễn của con người nhằm bảo vệ môi trường thiên nhiên, từ đó xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Đắk Lắk Là một bộ phận cấu thành chính thể thống nhất trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, là một vùng đất hội tụ của nhiều dân tộc anh em cùng chung sống và xây dựng quê hương đất nước. Đắk Lắk cũng là nơi có truyền thống văn hóa phong phú, đa dạng, mang bản sắc của nhiều dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, mặt bằng dân trí của Đắk Lắk cũng thấp hơn nhiều so với mặt bằng chung của cả nước. Vì vậy quá trình Công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Đắk Lắk cũng gặp những khó khăn nhất định.

Sự tăng trưởng kinh tế của Đắk Lắk trong thời gian qua đã phản ánh những thành tựu đạt được trong việc phát huy nội lực của tỉnh. Tuy kinh tế có bước phát triển mới nhưng chưa thực sự vững chắc, đến nay Đắk Lắk vẫn là một tỉnh nghèo. Khả năng phát huy tiềm năng sẵn có của tỉnh vẫn còn yếu kém; chưa tạo được những điều kiện thúc đẩy hoạt động của quá trình sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao và còn phải đi đôi với sự thân thiện với môi trường. Con người và quá trình phát triển kinh tế-xã hội ở đây phải có mối quan hệ hài hòa với môi trường tự nhiên.

Do đó đảm bảo chất lượng môi trường sinh thái trong trạng thái cân bằng, là một trong những yêu cầu bắt buộc của sự phát triển xã hội một cách bền vững. Yêu cầu đó đòi hỏi phải được thực hiện một cách đồng bộ.

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN
NHẪM ĐẢM BẢO MỐI QUAN HỆ HÀI HÒA GIỮA CON
NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI Ở TỈNH ĐẮK LẮK****3.1. MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG**

Thực tế nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên – cụ thể là các vấn đề sinh thái của thời đại và trong điều kiện ở Việt Nam hiện nay làm nảy sinh nhu cầu cấp thiết phải có một cơ sở lý luận làm nền tảng cho việc xem xét mối quan hệ giữa con người (xã hội) và tự nhiên, đặc biệt là vai trò ngày càng to lớn của con người và xã hội trong việc biến đổi tự nhiên.

Ở Việt Nam, do sự tồn tại đan xen của các nền văn hóa khác nhau; sự gia tăng dân số quá nhanh so với sự phát triển kinh tế xã hội; hậu quả của chiến tranh... làm cho mối quan hệ giữa con người với tự nhiên bị xâm phạm. Sự hài hòa, thống nhất giữa con người và tự nhiên không được đảm bảo mà chỉ là sự tác động một chiều của con người vào tự nhiên làm môi trường tự nhiên bị tổn hại ở mức báo động. Mặc dù nền kinh tế thị trường cùng với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa ở nước ta chỉ mới thực sự hoạt động trong đời sống xã hội khoảng ít năm trở lại đây, song môi trường sinh thái từ thành thị tới nông thôn, từ vùng rừng núi đến vùng biển đã gánh chịu nhiều tác động tiêu cực của sự phát triển. Sự cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường là hai vấn đề cơ bản và nổi cộm hiện nay. Câu hỏi làm thế nào có thể trở lại sống hài hòa thực sự với tự nhiên trong thế giới hiện đại luôn là đề tài nóng bỏng.

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh không những dành trọn cuộc đời mình đấu tranh cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân, mà với

mong ước non sông, đất nước đời đời tươi đẹp, nhân dân Việt Nam mãi mãi được hạnh phúc vẹn tròn, Người sớm hình dung và chỉ ra những định hướng phát triển lâu dài cho đất nước. Định hướng đó không chỉ là những tư tưởng về xây dựng con người và môi trường xã hội mà còn nhằm xây dựng môi trường tự nhiên. Nhiều tư tưởng của Người về phát triển bền vững đã trở thành hiện thực.

Ngày 17-8-2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định về Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam, trong đó đã thể hiện và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển bền vững. Đồng thời, đối với toàn thể nhân loại, chiến lược phát triển bền vững cũng đang là định hướng phát triển lâu dài với sự ra đời của Chương trình Chăm lo cho trái đất và Chương trình trồng rừng, bảo vệ rừng. Hiện nay, nhiều vấn đề bức xúc về môi trường đang đặt ra ở nước ta, trong đó nổi bật là việc khai thác rừng quá mức gây hậu quả hết sức nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân. Do đó, hơn bao giờ hết, chúng ta cần phải thấy được tầm quan trọng của việc trồng cây, gây rừng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra từ nửa thế kỷ trước. Học tập tấm gương của Người, chúng ta cần đẩy mạnh phong trào trồng cây trong mọi tầng lớp nhân dân. Đồng thời, thực hiện đúng tư tưởng của Người: trồng cây phải có kế hoạch dài hạn, tiến hành thường xuyên, đồng bộ chứ không chỉ một năm và ở một số địa phương nhất định; phải chú trọng trồng cây và chăm sóc cây, bảo đảm "trồng cây nào sống cây đó, tốt cây đó", tránh việc tiến hành hình thức, chạy theo diện tích, số lượng. Mặt khác, cần tạo điều kiện cho lực lượng học sinh, sinh viên trong các trường học tham gia phong trào Tết trồng cây vì đây là hoạt động vừa có ý nghĩa thực tiễn vừa mang ý nghĩa giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sâu sắc.

Nhận thức được mối quan hệ giữa con người và tự nhiên là cơ sở của sự phát triển kinh tế – xã hội ở Việt Nam hiện nay, nhấn mạnh vai trò nhân tố con người trong việc đảm bảo sự thống nhất giữa con người và tự nhiên trong quá trình phát triển. Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, các cấp, các ngành đã nhanh chóng vào cuộc nhằm ngăn chặn tình trạng cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường tự nhiên. Song trong những năm qua, môi trường nước ta vẫn tiếp tục xuống cấp nhanh, có lúc, có nơi đã đến lúc báo động. Trước tình hình đó, ngày 15-11-2004, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 41-NQ/TW về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Văn kiện Đại hội XI và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng tiếp tục khẳng định: “Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo và ứng phó với sự biến đổi khí hậu, các thảm họa thiên nhiên. Tăng cường quản lý, bảo vệ và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia” [16, tr.42-43].

Đứng trước tình hình cấp bách trên thì Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XV (2010-2015) cũng đã đưa ra phương hướng:

“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc, khắc phục mọi khó khăn thách thức, huy động và sử dụng tốt các nguồn lực, khai thác có hiệu quả các tiềm năng để tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa, phát triển đô thị và nông thôn. Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh và bền vững. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển nguồn

nhân lực, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, đảm bảo quốc phòng và an ninh.” [39].

*** Những phương hướng chủ yếu nhằm phát triển có hiệu quả kinh tế - xã hội nhanh và bền vững ở Đắk Lắk:**

Tỉnh Đắk Lắk là tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá ổn định và đang đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những phương hướng dưới đây nhằm hỗ trợ cho tỉnh nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn này.

Trong nông nghiệp: Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa gắn liền việc xây dựng nông thôn mới, cải thiện đời sống dân cư nông thôn. Tập trung xây dựng phát triển nền nông nghiệp đa dạng, hàng hóa, có khả năng cạnh tranh và hướng vào xuất khẩu. Chuyển từ du canh du cư sang định canh định cư và biến đất đai tự nhiên thành đất đai có chủ sở hữu, thông qua việc giao đất giao rừng lâu dài cho hộ nông dân. Các loại cây trồng chủ lực đều vượt kế hoạch về diện tích, năng suất và sản lượng. Sản lượng cà phê nhân và các loại cây trồng khác như cao su, hồ tiêu, ca cao... đều phải tăng khá nhưng vẫn đảm bảo môi trường sinh thái.

Bên cạnh đó còn thực hiện đa dạng hoá các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, đa dạng hoá các thành phần kinh tế, đa dạng các chủ thể kinh tế và các hình thức tổ chức kinh tế và khuyến khích đồng bào dân tộc ít người tham gia sản xuất kinh doanh.

Trong lâm nghiệp, xác định nhiệm vụ khoanh nuôi, bảo vệ rừng, phát triển vốn rừng là chính. Tập trung bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có, trồng mới rừng phòng hộ và rừng nguyên liệu bảo đảm kế hoạch và chất lượng cao, như huyện CưM'gar, Buôn Đôn, Ea Sup, Krông Bông, EaH'leo...

Khuyến khích các hộ dân đầu tư trồng rừng, đảm bảo môi trường sinh thái. Đổi mới cơ chế khai thác, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Chủ động tổ chức sản xuất, khai thác rừng trồng để đóng dần cửa rừng tự nhiên. Tiếp tục thực hiện giao đất, giao rừng cho nông hộ và giải quyết hài hòa lợi ích giữa nhà nước và người nhận rừng theo hướng có lợi, tăng thu nhập cho người sản xuất. Đặc biệt chú ý việc giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, thôn là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ theo Quyết định 1174-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trong công nghiệp: Tỉnh Đắk Lắk cũng cần thiết phải tập trung vào quá trình hình thành và phát triển phân công lao động xã hội, mở rộng trao đổi, phát triển thị trường và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ta đã biết rằng: phân công lao động xã hội là cơ sở của trao đổi, song đến lượt nó, sự phát triển của trao đổi lại làm cho sự chuyên môn hoá phát triển về cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Tiến trình phân công lao động xã hội trong lịch sử có thể khái quát thành các lần phân công lớn sau đây: chăn nuôi tách khỏi trồng trọt; thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp; thương nghiệp tách khỏi sản xuất. Nhằm khắc phục hậu quả của sự phân công và phân bố lực lượng lao động của xã hội cũ đã để lại và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Tỉnh Đắk Lắk cần xây dựng các khu chế biến tinh phân bố đều trên các khu vực sản xuất của người dân nhằm tận dụng được nguồn nguyên liệu tươi, sẵn có, chất lượng như: xây dựng nhà máy sản xuất cà phê bột, nhà máy chế biến ca cao, điều, tiêu, sắn bột,... Tỉnh Đắk Lắk nên hạn chế xuất khẩu thô các mặt hàng nông sản chủ lực.

Tăng cường quản lý Nhà nước các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản, đa dạng sinh học. Khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

Về mặt du lịch, Đắk Lắk là tỉnh có nhiều lợi thế. Vì vậy phải nâng cấp và phát triển các khu du lịch sinh thái, các điểm du lịch đặc biệt là Hồ Lắk, Bán Đôn, thác Krông Bông, thác Trinh Nữ... tạo ra các điểm nghỉ ngơi du lịch có sức thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

Về giáo dục: Thiết nghĩ việc giáo dục nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên ngày càng trở nên cấp thiết. Để nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong giai đoạn hiện nay, tỉnh Đắk Lắk cần phải có những phương hướng cụ thể về giáo dục như sau:

Một là, thấu triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, về tự nhiên, về vai trò của con người trong mối quan hệ với tự nhiên đối với tất cả các ngành, các trường đại học cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

Hai là, xây dựng những chương trình, môn học ngoại khóa đề cập một cách trực tiếp đến vấn đề nóng bỏng này như “con người và môi trường”, “môi trường và phát triển bền vững”, và đầu tư một cách thỏa đáng để tất cả các học sinh, sinh viên đều được tiếp cận thực tế, bằng trực quan sinh động tác động để người học lĩnh hội được một cách dễ dàng nhất. Có thể, trong chương trình học khuyến khích học sinh, sinh viên thực hiện những “chiến dịch tình nguyện xanh”, hàng năm tổ chức các hội thi “về nguồn” áp dụng ngay vào đời sống. Ngoài ra, tỉnh cũng nên tổ chức các cuộc vận động “tổ giặc tội phạm lâm tặc” để cho các cánh rừng luôn giữ mãi một màu xanh.

Qua đó giúp học sinh, sinh viên nhận thức đúng đắn hơn về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

Ba là, tăng cường sự liên kết quốc gia trong lĩnh vực giáo dục bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường - vấn đề toàn cầu hết sức cấp bách song phải công nhận một thực tế là vấn đề quản lý môi trường ở tỉnh Đắk Lắk còn khá mới mẻ. Do vậy, sự kết hợp của tỉnh và các tỉnh lân cận tiến hành bảo vệ môi trường là việc làm thiết thực. Ngoài ra, tham gia các chương trình như: giờ trái đất, hành tinh xanh... do quốc tế tổ chức.

Về quản lý: Tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành soạn thảo những tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Rõ ràng xây dựng pháp luật và quản lý trong lĩnh vực môi trường cùng với các văn bản dưới luật tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ, cụ thể cho hoạt động của các xí nghiệp, các cơ sở dịch vụ và từng con người trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Điều quan trọng nhất là phải làm cho những điều luật trong văn bản trở nên thực thi một cách nghiêm túc rộng rãi và công bằng đối với mọi người, đối với mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Vấn đề môi trường sinh thái ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay rất phức tạp và cấp bách. Vì vậy, việc giải quyết nó cũng không thể đơn giản và nhanh chóng được mà đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa những biện pháp có tính chiến lược lâu dài vì sự phát triển bền vững trong lĩnh vực bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường sống. Để phát triển bền vững chính con người với tay nghề và tri thức phải luôn luôn không ngừng cải biến đồng thời bảo vệ tự nhiên làm cho con người và tự nhiên hài hòa thống nhất. Nói cách khác là làm cho kinh tế – xã hội phát triển trong một môi trường tự nhiên khỏe mạnh, giàu có. Tóm lại, ngăn cản sự phá hoại môi sinh, khôi phục khả năng

tái sinh của thiên nhiên và bảo vệ môi trường tự nhiên là cách duy nhất đóng góp cho tương lai của tỉnh nhà phát triển một cách có hiệu quả.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Hiện nay, công tác bảo vệ môi trường đang đứng trước nhiều thách thức đáng quan tâm như: thách thức giữa yêu cầu bảo vệ môi trường với lợi ích kinh tế trước mắt trong đầu tư phát triển; thách thức giữa tổ chức và năng lực quản lý môi trường còn nhiều bất cập trước những đòi hỏi phải nhanh chóng đưa công tác quản lý môi trường vào nền nếp; thách thức giữa cơ sở hạ tầng, kỹ thuật bảo vệ môi trường lạc hậu với khối lượng chất thải đang ngày càng tăng lên; thách thức giữa nhu cầu ngày càng cao về nguồn vốn cho bảo vệ môi trường với khả năng có hạn của ngân sách tỉnh và sự đầu tư của doanh nghiệp và người dân cho công tác bảo vệ môi trường còn ở mức rất thấp...

Trong những thách thức nêu trên, đặc biệt nổi lên là thách thức giữa yêu cầu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững với yêu cầu tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm. Vì vậy, để tiếp tục thực hiện thắng lợi những mục tiêu bảo vệ môi trường trên quan điểm phát triển bền vững của tỉnh và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, trong thời gian tới, tỉnh Đắk Lắk cần tập trung giải quyết một số nhiệm vụ cơ bản sau:

Thứ nhất: Trước hết phải xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường trên cơ sở đổi mới tư duy, cách làm, hành vi ứng xử, ý thức trách nhiệm với thiên nhiên, môi trường trong xã hội và của mỗi người dân. Đây mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao hiểu biết, xây dựng các chuẩn mực, hình thành ý thức, lối nghĩ, cách làm, hành vi ứng xử thân thiện với thiên nhiên, môi trường. Tiến đến coi việc bảo vệ môi trường là một trong các tiêu chí đánh giá thi đua, học tập không chỉ ở học sinh - sinh viên mà còn đối với cả các công chức và tất cả mọi người dân của tỉnh Đắk Lắk.

Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng chất nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ tạo động lực then chốt cho quá trình phát triển nhanh và bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế. Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo lại là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó có đội ngũ cán bộ phục vụ phát triển nhanh và bền vững. Đồng thời “phát triển nhanh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH, phát triển kinh tế tri thức; góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước” [14, tr.162]. Chăm lo phát triển văn hóa “một cách toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế” [14, tr.99]. Thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển. Giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và từng bước cải thiện, nâng cao thu nhập cho người lao động, xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững; hoàn thiện các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và trợ giúp xã hội. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, đẩy mạnh thực hiện công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, tăng chất lượng dân số. Phòng, chống có hiệu quả các loại tệ nạn xã hội.

Thứ hai: Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, gắn nhiệm vụ bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế-xã hội. Phát triển mạnh công nghiệp, xây dựng và nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, nâng cao chất

lượng và sức cạnh tranh trên cơ sở “công nghiệp hóa sạch”, bền vững gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nông thôn mới. Trong khi phát triển sản xuất hàng hóa đáp ứng yêu cầu ngày càng nhiều của thị trường phải đặc biệt coi trọng vấn đề chất lượng hàng hóa, bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm; bảo tồn và phát triển được các nguồn tài nguyên đất, nước, không khí và đa dạng sinh học. Phát triển kinh tế - xã hội hài hòa, bền vững giữa vùng, đô thị và nông thôn, áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp trong điều kiện xây dựng nông thôn mới.

Đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Khắc phục suy thoái, khôi phục và nâng cao chất lượng môi trường; Thực hiện tốt chương trình trồng rừng, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng, tăng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên; Khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái; Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển “năng lượng sạch”, “sản xuất sạch”, “tiêu dùng sạch”; Tăng cường hợp tác quốc tế để phối hợp hành động và tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế cho công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

Thứ ba: Coi trọng yếu tố môi trường trong tái cơ cấu kinh tế, tiếp cận các xu thế tăng trưởng bền vững và hài hòa trong phát triển ngành, vùng phù hợp với khả năng chịu tải môi trường, sinh thái cảnh quan, tài nguyên thiên nhiên và trình độ phát triển. Tăng trưởng kinh tế phải đồng thời với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cũng phải thay đổi theo hướng có lợi cho tăng trưởng kinh tế,

thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo ra công ăn việc làm, hỗ trợ để tinh phát triển nhanh hơn, bền vững hơn.

Thứ tư: Dự báo, cảnh báo kịp thời, chính xác các hiện tượng khí tượng thủy văn, chung sức và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; Tập trung triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2020 và hai đề án: Hiện đại hóa công nghệ dự báo khí tượng thủy văn; Hiện đại hóa ngành khí tượng thủy văn; Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức và cộng đồng quốc gia trong việc tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu; lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011-2020) và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011-2015), xác định các giải pháp chiến lược và chính sách thực thi, bố trí các nguồn lực cần thiết để tổ chức và triển khai thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thứ năm: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật đất đai; Quy hoạch sử dụng đất cả nước đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011 - 2015. Xác lập cơ chế cung - cầu, chia sẻ lợi ích, phát triển bền vững tài nguyên nước và bảo đảm an ninh nguồn nước. Đẩy nhanh tiến độ dự án Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài nguyên nước theo hướng xác lập cơ chế quản lý tài nguyên nước đồng bộ với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội, mọi người dân tham gia bảo vệ môi trường, làm kinh tế từ môi trường. Tạo điều kiện, hỗ trợ để các tổ chức phân biện xã hội về môi trường, các hội, hiệp hội về thiên nhiên và môi trường hình thành, lớn mạnh và phát triển, đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Thứ sáu: Đẩy mạnh thực hiện “kinh tế hóa” trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản theo hướng giảm cơ chế “xin - cho”, tăng cường áp dụng hình thức đấu thầu quyền thăm dò khoáng sản, đấu giá mỏ để tăng thu cho ngân sách tỉnh và lựa chọn được tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm tham gia hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; nâng cao tính thống nhất, tránh chồng chéo trong quản lý; tăng cường phân cấp cho các địa phương quản lý khoáng sản; chú trọng thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật... Đồng thời, tiếp tục giảm xuất khẩu thô, đẩy mạnh chế biến tinh nhằm bảo vệ và nâng cao giá trị tài nguyên khoáng sản, hướng tới mục tiêu xây dựng ngành công nghiệp ổn định, bền vững.

Thứ bảy: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về môi trường, chuẩn bị cơ sở pháp lý cho ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng thống nhất, công bằng, hiện đại và hội nhập. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành, tiến tới xây dựng Bộ Luật Môi trường, hình thành hệ thống các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành theo hướng thống nhất, công bằng, hiện đại và hội nhập, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, không rõ trách nhiệm và thiếu khả thi. Hệ thống pháp luật về môi trường phải tương thích, đồng bộ trong tổng thể hệ thống pháp luật chung của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ tám: Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý quyết liệt, giải quyết dứt điểm các vụ việc về môi trường, các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Cần tạo bước chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức sang hành động cụ thể. Lấy chỉ số đầu tư cho môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường, kết quả bảo vệ môi trường cụ thể để đánh giá. Tập trung vào đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu

số, chuyên gia trên các lĩnh vực; xây dựng quy hoạch cán bộ cấp chiến lược. Trọng dụng người có đức, có tài. Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở những tiêu chuẩn, quy trình đã quy định, lấy hiệu quả công tác và sự tin nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Có chế tài xử lý nghiêm những trường hợp chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy tội, chạy tuổi, chạy bằng cấp, chạy huân chương. Kịp thời thay thế cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, giảm sút uy tín, vi phạm pháp luật. Thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Đường lối đổi mới của Đảng ta luôn luôn khẳng định rõ việc phát huy nội lực của Việt Nam là động lực quyết định sự phát triển nhanh và bền vững. Từ ngày đất nước đổi mới đến nay, Đảng ta luôn khẳng định tầm quan trọng của việc phát triển, nâng cao chất lượng không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa vì sự nghiệp phát triển đất nước.

Đường lối đổi mới toàn diện trong đó đổi mới chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn thời gian qua đã khẳng định được quyền tự chủ của người lao động nông thôn trong sản xuất, kinh doanh. Bởi vậy, đã khơi dậy và phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo ở nông thôn nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Tuy nhiên, nhờ nhận thức và quán triệt đúng đắn đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, các nghị quyết của Trung ương được vận dụng và cụ thể hóa vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Đắk Lắk bằng các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, từ đó từng bước phát huy có hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực con người cho quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Đắk Lắk vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Như vậy trên đây là một số phương hướng và biện pháp cụ thể nhằm góp phần khắc phục và ngăn chặn triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường đang còn diễn ra một cách phức tạp ở tỉnh Đắk Lắk giai đoạn hiện nay. Những giải pháp trên được đưa ra là căn cứ trên cơ sở lý luận chung nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn vận động của kinh tế - xã hội hiện nay. Nên những phương hướng và biện pháp trên sẽ góp phần tích cực cho việc khắc phục và ngăn chặn tình trạng môi sinh bị xâm phạm như hiện nay.

KẾT LUẬN

Để thực hiện chiến lược phát triển bền vững, một yếu tố quan trọng cần luôn được giáo dục cho mỗi con người và cho cả cộng đồng là phải có ý thức trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên môi trường; giáo dục để con người ý thức được quyền lợi của họ từ việc khai thác sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên môi trường. Từ đó phát huy trách nhiệm của họ trong việc giữ gìn môi trường. Việc thực hiện chính sách xã hội, đặc biệt là chính sách xóa đói giảm nghèo, đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội phải được coi là một biện pháp quan trọng để thu hẹp dần, tiến tới san bằng khoảng cách chênh lệch giữa người với người trong cộng đồng người. Cái gốc để giải quyết triệt để vấn đề đó là phát triển sản xuất bền vững trên cơ sở áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ trên nền tảng hòa thuận với môi trường, trân trọng môi trường. Đây mặc dù không phải là toàn bộ hệ thống giải pháp, nhưng đó là những giải pháp đầu tiên, tiền đề và đột phá là điểm khởi đầu và cũng là mốc cao nhất để thực phát triển: kinh tế - môi trường – con người toàn diện được đảm bảo một cách hiệu quả, đem lại sự phồn vinh cho xã hội và con người.

Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên đã chỉ rõ cơ sở hiện thực của chiến lược phát triển bền vững mà ngày nay con người đang hướng tới, đó là con người có thể nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và vận dụng chúng một cách tự giác, có hiệu quả trong hoạt động thực tiễn, trước hết là trong hoạt động sản xuất vật chất của mình. Quan niệm đó không chỉ khẳng định vai trò của con người mà còn làm nổi bật sự quy định lẫn nhau của lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội.

Mặc dù hoàn cảnh và điều kiện lịch sử hiện nay đã có những thay đổi nhất định so với thời đại của Ph. Ăngghen sống, song quan điểm trên vẫn có

rất nhiều điểm có sức sống và giá trị thời đại. Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên là một trong những vấn đề quan trọng nhất mà thế giới hiện nay đang đặc biệt quan tâm, triết học Mác thực sự là nền móng, cơ sở lý luận vững chắc, khoa học cho việc tạo dựng và phát triển mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên. Theo đó, con người phải có sự thay đổi trong nhận thức của mình về vai trò của giới tự nhiên, nếu thiếu nó sẽ không có sự tồn tại, phát triển của con người cũng như không có lịch sử xã hội. Con người phải tự giác điều chỉnh và thay đổi hành động cho phù hợp với quy luật vận động, phát triển của giới tự nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- [1]. Lê Huy Bá (2004), *Môi trường*, Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM.
- [2]. Lê Huy Bá (2007), *Sinh thái môi trường đất*, Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM.
- [3]. Báo Đắk Lắk Online (22-1-2013), *Hội Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk: Tổng kết công tác năm 2012 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2013*.
- [4]. Báo Đắk Lắk Online (17-10-2013), *Thị xã Buôn Hồ với nỗ lực bảo vệ môi trường*.
- [5]. Báo Đắk Lắk Online (24-10-2013), *Gần 1,5 tỷ đồng xử phạt vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường*.
- [6]. Báo Đắk Lắk Online (31-10-2013), *Gia tăng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực công nghiệp*.
- [7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Bộ Khoa học công nghệ và môi trường (1990), *Chiến lược CNH – HĐH đất nước và cách mạng công nghệ*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9]. Loic Chauveau (Dịch giả: Nguyễn Thị Kim Anh) (2008), *Các nguy cơ đe dọa sinh thái*, Nxb. Trẻ.
- [10]. Nguyễn Trọng Chuẩn (2004), *Giáo trình Tác phẩm Biện chứng tự nhiên của Ph. Ăngghen*, Viện triết học, Viện khoa học xã hội Việt Nam.
- [11]. Nguyễn Trọng Chuẩn, Đặng Hữu Toàn (Đồng chủ biên) (2000), *Sức sống của một tác phẩm triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [12]. Nguyễn Hữu Dũng (1996), *Các mô hình kinh tế thị trường*, NXB Thời đại, Thanh Hóa.

- [13]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội.
- [14]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [15]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [16]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [17]. Eldon D. Enger. Bradley F. Smith (Dịch giả: Chương Ngọc) (2008), *Tìm Hiểu Môi Trường - Cẩm Nang Thiết Yếu Cho Khoa Học Môi Trường*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- [18]. Lê Văn Khoa, Nguyễn Ngọc Sinh, Nguyễn Tiến Dũng (2006), *Chiến lược và chính sách môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [19]. Nguyễn Linh Khiếu (1990), *Về luận điểm của Mác: bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội*, Tạp chí Giáo dục lí luận, số 1.
- [20]. C. Mác – Ăngghen (1994). *Toàn tập, tập 20*, NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- [21]. C. Mác– Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 3*. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- [22]. C. Mác– Ăngghen (1994), *Toàn tập, tập 21*, NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- [23]. C. Mác– Ăngghen (1994). *Toàn tập, tập 42*. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- [24]. C. Mác– Ăngghen (2001). *Toàn tập, tập 47*, NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- [25]. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 5*, NXB Chính trị quốc gia, CTQG, Hà Nội, tr.101

- [26]. Nguyễn Duy Quý (chủ biên) (2004), *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [27]. Dai Saku và Aurelio Peccee (1993), *Tiếng chuông cảnh tỉnh cho thế kỷ XXI*, NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội.
- [28]. TS. Lê Thành Tài (2009), *Sức Khỏe Môi Trường* (Tài Liệu Giảng Dạy Cho Đối Tượng Sau Đại Học Chuyên Ngành Y Tế Công Cộng), NXB Lao động xã hội
- [29]. Phan Văn Thạng (2011), *Mối quan hệ giữa xã hội và môi trường trong sự phát triển bền vững ở nước ta nhìn từ góc độ xã hội học*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ.
- [30]. Anvin Tópflơ (1992), *Thăng trầm quyền lực*, NXB Thông tin lý luận. Hà Nội.
- [31]. PGS. TS. Nguyễn Bằng Tường (2010), *Giới thiệu tác phẩm Biện chứng của tự nhiên của Ph. Ăngghen*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [32]. Phạm Thị Ngọc Trâm (2001), *Bảo vệ môi trường - nhiệm vụ chung của toàn nhân loại*, Tạp chí Cộng sản, số 26.
- [33]. Sở Lao động - Thương binh và xã hội Đắk Lắk (2009), *Thực trạng lao động việc làm và dạy nghề tỉnh Đắk Lắk, năm 2009*.
- [34]. Sơn Thành (1992), *Phát triển kinh tế hàng hóa ở Tây Nguyên*, Tạp chí Cộng sản, số 7.
- [35]. Ngô Đức Thịnh (1999), "Ý kiến", Báo *Nông thôn ngày nay*, Nguyệt san tháng 8.
- [36]. Tỉnh Đảng bộ Đắk Lắk (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2005 – 2010* (Lưu hành nội bộ).

- [37]. Tỉnh Đảng bộ Đắk Lắk (2008), *Các nghị quyết, chương trình, chỉ thị, kế hoạch của Tỉnh ủy Đắk Lắk khóa (2006 - 2008)*, tập 1, (Lưu hành nội bộ).
- [38]. Tỉnh Đảng bộ Đắk Lắk (2010), *Các nghị quyết, chương trình, chỉ thị, kế hoạch của Tỉnh ủy Đắk Lắk khóa (2005 - 2010)*, tập 2, (Lưu hành nội bộ)
- [39]. Tỉnh Đảng bộ Đắk Lắk (2010), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 – 2015* (Lưu hành nội bộ).
- [40]. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2010), *Nghị quyết về nhiệm vụ năm 2011*.
- [41]. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2010), *Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XV Đảng bộ Tỉnh Đắk Lắk*.
- [42]. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2010), *Chỉ thị của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh*
- [43]. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2011), *Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015*.
- [44]. Tổng cục Thể dục -Thể thao (1995), *Bác Hồ với thể dục thể thao Việt Nam*, NXB Thể dục thể thao.
- [45]. Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk (2008), *Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể các điểm xây dựng, phát triển khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020*.
- [46]. Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk (2013), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ,đảm bảo quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2013*

- [47]. Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk (2013), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2013*
- [48]. Trần Văn Ý (2006), *Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển*, Nxb. Thống kê.

Tiếng Anh:

- [49]. Baron d' Holbach (2001), *System of Nature*, Vol.1, Original published: 1868, Batoche Books, Ontario, Canada
- [50]. Ludwig Feuerbach, *Essence of Christianity*.

